

HÀNH-SƠN

CỤ
TRẦN CAO-VÂN

NGƯỜI ĐÁ ĐỀ XƯƠNG
DỊCH TRUNG-THIÊN
VÀ ĐÁ CÙNG
HOÀNG-ĐẾ DUY-TÂN
ĐIỀU ĐỘNG CUỘC
CÁCH-MỆNH NĂM 1916

MINH-TÂN
— PARIS VI^e —

Hành Sơn

Cụ Trần Cao Vân

MỤC LỤC

- I. Thân Thế
- II. Từ Biệt Gia Hương
- III. Chùa Cổ Lâm
- IV. Thành Bình Định
- V. Gặp Võ Trứ
- VI. Giặc Võ Trứ
- VII. Động Bà Thiên
- VIII. Mười Một Tháng Ngục Phú Yên
- IX. Vụ Án Trung Thiên Dịch. Ba Năm Ngục Bình Định Và Quảng Nam
- X. Sáu Năm Côn Đảo. Vụ Dân Trung Kỳ Kháng Thuế
- XI. Gặp Vua Duy Tân
- XII. Cuộc Cách Mệnh Năm 1916
- XIII. Kết Liễu Đời Anh Hùng
- XIV. Phụ Lục. Cụ bà Trần Cao Vân
- XV. Thi Văn

I

THÂN THẾ

Làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, một làng trong mười mấy làng thuộc khu đất Gò Nổi, một khu đất đã có tiếng văn vật trên miếng đất Quảng Nam.

Chính khu đất ấy trước kia cũng như gần đây đã nảy sinh các cụ Phạm Phú Thứ, Hoàng Diệu và nhiều nhân vật khác nữa.

Với làng Tư Phú, cụ Trần Công Trục, người ta thường gọi là cụ Quyền Trục, là người có danh vọng địa vị, tuy cụ không thi cử đỗ đạt nhưng cũng là một nhân vật trí thức của làng Tư Phú, một bậc thâm nho của thời bấy giờ; tuy cụ không trực tiếp tham gia vào các công cuộc cần vương nghĩa sĩ giúp nước phò vua, nhưng tâm trường cụ vẫn thiết tha đối với đất nước quê hương gặp phải hồi biến cố. Tâm trường ấy chính là tâm trường những nhà nho đặc ở đạo trung hiếu tiết nghĩa của Khổng Mạnh. Tâm trường ấy đã giục cụ tham gia bằng cách gián tiếp, nghĩa là cụ đã đào tạo cũng như đã hy sinh để giúp đỡ cho con cụ, một người con lịch sử đã làm nên công nghiệp vĩ đại lừng lẫy muôn đời.

Cụ Trần Công Trục có ba người vợ, sinh được sáu trai, ba gái; bà vợ cả là Đoàn thị sinh được hai trai, một

gái; người trai đầu lòng tên là Trần Công Thọ, tức cụ Trần Cao Vân.

Cụ Trần Cao Vân sinh năm Bính Dần (1866), vào; năm thứ 20 triều Tự Đức; lúc lớn lên, từng học và ra thi lấy tên quyền là Trần Cao Đệ, lúc vào chùa lấy pháp danh Như Ý, lúc hoạt động cách mệnh mới đổi tên là Trần Cao Vân và biệt hiệu Hồng Việt và Chánh Minh ¹.

Cụ Cao Vân sinh trưởng trong một gia đình về vật chất không được phong phú lắm, đã thế năm lên tám tuổi, cụ và các em đại đã phải mồ côi mẹ! Thân sinh cụ thì suốt ngày nọ lẫn ngày kia mải phải chăm nom công cuộc sinh hoạt của gia đình với nghề chẵn tằm, làm ruộng, là những chuyên nghiệp của vùng trung châu Quảng Nam.

Tình cảnh gia đình thế ấy, dù lòng thương con có thiết tha đến mực nào, tưởng thân sinh cụ cũng không làm sao săn sóc, chăm nom cho đầy đủ được. Tuy nhiên, thân sinh cụ vẫn là một nhà nho thực tế, chuộng văn học, thích hoạt động, lúc nào cũng chú trọng ở các con, mong ngày mai các con sẽ làm nên một công nghiệp gì? mà công nghiệp ấy, với thời bấy giờ, chỉ có một con đường duy nhất là phải xuất thân từ con đường cử nghiệp trước đã. Thế nên dù gia đình gặp phải bao lần biến cố, công việc sinh hoạt phải bao nhiêu sự bận rộn, thân sinh cụ cũng không lãng quên được một việc trước hết là phải cho con đi học.

Có học, có thi cử, có đỗ đạt, có ra làm quan, thì bất cứ một lời nói hoặc một hành động gì mới có ảnh hưởng đối với xã hội; ấy là một ý niệm của thời đại.

Nhờ thế mà năm lên chín tuổi, cụ Cao Vân đã bắt đầu được từng học với các cụ đồ nho ở các trường tư thực trong làng; đến năm mười ba, mười bốn tuổi, cụ Cao Vân từng học ở các trường giáo, trường huấn.

Theo lời tường thuật của các bậc cổ lão đồng thời được biết cụ Cao Vân, và những người được nghe kể lại đời cụ, thì con người cụ Cao Vân, về hình thức: một hình vóc trung trung, khuôn mặt vuông vức, trán cao, đôi mắt sâu và sáng quắc, lại thêm năm chòm râu dài tha thướt trông ra thật uy nghi.

Sinh bình, cụ rất giản dị. Trừ cái tuổi thiếu thời không kể làm gì, bắt đầu năm hai mươi tuổi, ngày từ biệt gia hương, cho đến chung cuộc đời cụ, trải bao thời của một nho sĩ, một đạo sĩ, rồi đến một chiến sĩ cách mệnh, cụ sống một đời sống đạm bạc với chiếc áo thụng vải ta nhuộm xanh chàm, chiếc khăn nhiễu thâm, chiếc nón lá, là những trang phẩm bất dịch, là những lợi khí đã giúp cụ tự vệ cũng như chiến thắng với bao gió sương mưa nắng trên quãng đường đời chông gai gồ ghề!

Về tinh thần: con người cụ Cao Vân có nhiều điểm đặc sắc, đã thông minh lại hiếu học, tính tình rất ôn hòa, ý chí rất cương quyết, thờ cha mẹ chí hiếu, đối với xã hội nhân quần luôn luôn một mực kính thành.

Về học vấn, về tư tưởng cũng như về văn chương, cụ phát đạt rất sớm, mặc dù cụ không đỗ đạt như các cụ khác, nhưng cứ xem những câu đối, những bài thi, cho đến hành động của đời cụ, ta cũng đủ thấy ngay cụ Cao Vân là người khảo học uyên thâm, văn chương lỗi lạc. Từ lúc tuổi trẻ, cụ đã có một tinh thần mới, tinh thần cách mệnh! Một ý chí mới, ý chí cách mệnh! Cái tinh thần mới ấy, năm 1900, đã đem lại cho đời cụ một kết quả, là nhận lấy cái án "yêu thơ yêu ngôn" và ba năm tù, vì đã đem dịch "Tiên thiên" của Phục Hy và dịch "Hậu thiên" của Văn Vương, phối hợp thành "Trung thiên dịch".

Cái ý chí mới ấy, năm 1916, đã đem lại cho đời cụ một kết quả nữa, là nhận lấy cái tội "phiến biến" để lên đoạn đầu đài, vì đã phò vua Duy Tân chống lại chế độ Bảo hộ.

◦ ◦
◦

Những thi văn câu đối của cụ lúc thiếu thời, lúc còn là cậu thư sinh, đã có nhiều lắm, nhưng chưa sưu tầm được hết, xin chép ra đây một ít để chứng cho những đặc sắc vừa nói trên.

Năm mười ba tuổi, cụ đương từng học một trường giáo ngay ở làng. Cụ giáo dạy học trò rất cần mẫn; ngoài những thì giờ học hằng ngày, tối nào cụ cũng dạy thêm các trò tập đặt đối làm bài. Một hôm nhằm bữa đêm trăng, các trò đến đông đủ; lúc vào học, ngay ở giữa trường có một cái đèn treo, nhân đấy cụ giáo ra câu đối:

"Đèn treo gioi sáng bốn phương nhà".

Trong hàng sĩ tử, cụ Cao Vân là nhỏ tuổi nhất nhưng lanh trí, đứng lên đáp:

"Trăng tỏ khắp soi muôn cụm núi".

Cụ giáo cho câu đối ấy là hay và xuất sắc, tuy giản dị không có gì, nhưng ngẫu nhiên cậu bé phát tiết ý chí lớn của mình đã ngầm ngầm sẵn có từ trong tinh thần.

Lại một lần nữa, vào lúc tháng mười ta, cụ đến nghe giảng sách ở nhà một cụ cử; buổi giảng xong, có người hàng xóm đưa đến biếu bà cụ cử một mớ hành hương để làm giống. Bà cụ bảo: "Hành này còn non mà tàn sớm thế này e giống không 2 mạnh". Cụ cử thầy nghe câu nói có ngụ được ý hay hay, nên lấy đó ra câu đối:

"Hành tàn 3 giống không mạnh" 4.

Câu đối này có hai nghĩa: một nghĩa nói giống hành không mạnh là không tốt.

Một nghĩa chỉ cho đời người khi đáng "hành" động hay lúc đáng thoái "tàng" đều phải phép theo đạo Khổng Mạnh.

Cụ Cao Vân ứng khẩu đối:

"Cải hóa con càn khôn" 5.

Câu đối này cũng có hai nghĩa: một nghĩa thông thường nói giống rau cải con, đến lúc nó "hóa", lá này nở xanh tốt lên, thì con cải ngày "càng khôn", nghĩa là cây càng lớn.

Một nghĩa chính, thì ý cụ chỉ vào bầu vũ trụ sum la vạn hữu này, từ trời đất núi sông đến muôn sự muôn vật luôn luôn phải tiến, không bao giờ đứng yên một chỗ, hễ cùng thì biến, hễ biến thì thông. Làm người phải hành động cũng như phải sống theo cuộc tiến hóa công cộng ấy; cái gì thích hợp thì duy trì, không thích hợp thì đào thải, giữ theo đạo thời trung của cụ Khổng, cái đạo "vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã" mà các môn sinh đã tán dương cụ, nghĩa là tất cả những cái gì của đời người phải biết "cải hóa", tức là biết thay đổi, biết cách mệnh, để đuổi theo cuộc tiến hóa không ngừng của sự vật, ấy mới là người đứng giữa "càn khôn", ấy mới là con trời đất.

Cụ cử thầy và cả sĩ tử đều khen ngợi câu đối ấy, chẳng những hay về phần đối đáp, về cách khéo dùng chữ thổ âm, mà lại rất đáng được kính phục về tinh thần ý chí của một thư sinh với tuổi mười lăm, mười sáu, đã phát biểu một tương lai mới mẻ của mình.

Câu đối ấy về sau được truyền tụng ở các vùng Bình Định, Quảng Nam và những nơi mà cụ Cao Vân đã đặt chân tới.

Lại bao lần nữa, trong những phút cảm kích, cụ đã ngâm lên nhiều bài thi, bài phú được gọi là kiệt tác, không tiện chép hết vào đây, xin dành ở mục thi văn. Đây chỉ chép một bài đầu đề vịnh cối xay để kết luận mục "Thân thế":

"Khen ai xưa đã khéo trêu bày,

Tạo cối này ra vốn để xay.

Gốc 'tí' 6 kiên khôn trồng giữa ruộng,

Cán 'dần' tinh đầu vận trong tay.

Nghiến răng tựa sấm ì ầm dậy,

Mở miệng dường mưa lác đác bay.

'Tứ trụ' dưới nhờ chơn 'đế' vững,

Cùng trên phụ bật sẵn hai tay".

Đại khái thân thế cụ Cao Vân, thân thế của một người gian nan đau khổ! Mồ côi mẹ ngay từ cái tuổi đồng môn, cụ Cao Vân đã bắt đầu nếm lấy mùi khô khan tẻ lạnh của gia đình, cho đến năm hai mươi tuổi, chính cái

năm đen tối và tủi nhục của dân tộc, kinh thành Huế mất, vua Hàm Nghi bỏ ngôi, cụ cũng bắt đầu đặt chân trên đường phiêu lưu. Cho đến ngày kết liễu đời cụ, ngót ba mươi năm trời với bao phong ba bão táp, cụ vẫn một tinh thần tranh đấu không ngừng, để đáp lại tiếng gọi thiết tha của lương tri cũng như của non sông tổ quốc.<

-
- 1 Cụ còn có một biệt danh: Bạch Sĩ.
 - 2 Khổng tức không, tiếng nói địa phương Quảng Nam.
 - 3 Hành tàn tức rau hành tàn tạ, mượn âm thành chữ hành tàng.
 - 4 Khổng mạnh là không mạnh, mượn âm thành: ông Khổng, ông Mạnh.
 - 5 Càn khôn là trời đất, mượn âm để ghép vào câu: càn khôn, là càn lớn khôn. Ngày xưa các cụ ta có lối đổi miệng (úng khẩu) đối mượn âm.
 - 6 "Đạo thư" có câu: "Thiên khai ư tí, địa tịch ư sừ, nhân sinh ư dần". Gốc "tí" chỉ cho ngôi trời. Can "dần" chỉ cho người, ý nói trời, người hợp lại.

II

TỪ BIỆT GIA HƯƠNG

Đương tuổi thơ sinh, cậu thơ sinh của cái thời bảy mươi năm về trước, sinh trưởng dưới một gầm trời đầy ngột từ chương, cử nghiệp, vinh phú ngâm thi, trên từ vua Tự Đức, dưới hầu hết sĩ phu không mấy ai không khuynh hướng về ngã ấy. Cụ Cao Vân tuy tuổi đồng ấu có một vài đặc sắc vô tình đã phát hiện trên những lời văn, nhưng đứng trước trào lưu ấy, với cái tuổi ấy, không thể không bị lôi cuốn được. Thế nên cụ cũng như bao nhiều thơ sinh khác cũng suốt ngày lẫn đêm tận tụy với công việc học, công việc đặt phú, làm văn, cũng mong đến khoa để ra thi, mong đến cái ngày vinh quang cờ biển rực trời ngựa xe chật đất để làm vẻ vang gia tộc, để đáp lại lòng mong mỏi của thân sinh cụ mà hằng ngày người đã khuyên bảo, hoặc đã tỏ ra mà cụ được nghe biết.

Khoa Nhâm Ngọ (1882), cụ vừa được mười bảy tuổi. Tuổi tuy còn nhỏ nhưng học lực, tài năng, xét ra có hy vọng đỗ đạt nên thân sinh cụ bằng lòng cho cụ ra kinh (Huế) dự thí.

Sắp đến ngày mang tráp lên đường, chẳng may cụ phải đau nặng, thành thử khoa ấy không thi được.

Không được thi, cụ Cao Vân lại càng nỗ lực vào công việc học, quyết sẽ chiếm cho kỳ được khoa bảng ở một khoa sắp tới.

Bất ngờ cái tin kinh thành Hà Nội mất, cụ Hoàng Diệu đã tử tiết theo Long Thành, được loan báo khắp nơi, rồi đến mùa thu năm ấy, linh cữu cụ Hoàng Diệu được đưa về an táng tận làng Xuân đài, tỉnh Quảng Nam ¹.

Lễ tống táng cụ Hoàng Diệu cử hành trong một khung cảnh cực kỳ náo nhiệt và đầy sự cảm kích! Ngoài lễ quốc tế của triều đình, đến các quan liêu, các hàng văn thân, rồi đến các sĩ tử kế tiếp nhau tán dương ca tụng cái chết oanh liệt ấy!

Cụ Cao Vân cùng các sĩ tử được dự tế, được nghe, được thấy đời hành động cho đến cái chết của kẻ sĩ! Một đời hành động anh hùng với cái chết oanh liệt ấy đã kích thích mạnh vào tâm hồn cụ; cái tâm hồn vô tư lự ấy đã bắt đầu nảy ra bao nghĩ ngợi đối với đất nước quê hương...!

Tiếp đến năm 1883-1884, cụ được mười tám, mười chín tuổi, lại gặp nhiều sự biến cố xảy ra: với gia đình thì bà kế mẫu thứ nhất của cụ qua đời, để lại các em thơ, nên cụ càng bận rộn nào công việc học, công việc săn sóc dạy dỗ các em và trông nom họ công việc sinh hoạt, gia đình với thân sinh cụ.

Với quốc gia thì sau cái chết cụ Hoàng Diệu, sau ngày vua Tự Đức thăng hà, tình cảnh giữa nước ta và người Pháp ngày một đi sâu vào chỗ xung đột quyết liệt! Về phía người Pháp thì họ lấy cớ này cớ khác để áp dụng chính sách "tầm ăn dâu" mà thôn tính dần nước ta nay tỉnh này mai tỉnh khác. Về phía ta thì ở triều đình, phe Tôn Thất Thuyết lo đào lũy đắp thành, luyện tập binh sĩ để đánh lại người Pháp. Ở các tỉnh thì Quảng Nam cũng như bao nhiêu tỉnh khác, các đảng văn thân nỗ lực hoạt động, tuyên truyền chống lại người Pháp bằng cách; trước hết phải tiêu diệt những tay sai của họ, mà những người ấy lúc bấy giờ người ta chỉ ngay vào những

người theo đạo Thiên Chúa.

Năm Ất Dậu (1885), cái năm tang chế của lịch sử dân tộc, kinh thành Huế là một quốc đô mà cũng là trấn ải cuối cùng còn lại của nước ta hồi ấy, cũng bị người Pháp chiếm nốt! Tôn Thất Thuyết phải phò vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị. Các vùng quê, các phủ, huyện, xã, thôn cho đến các tỉnh, phong trào cần vương càng rần rần nổi dậy như kiến vỡ tổ, dân chúng hợp lực với các đảng văn thân, sau khi lời hịch truyền ra, thấy đều tấp nập nhả vào cái khẩu hiệu "bình Tây diệt tả" mà chiến đấu.

Trước bao sự biến cố, bao nỗi đau buồn của gia tộc, dân tộc, càng giục thúc cụ Cao Vân, càng làm cho tâm trường cụ thêm bao phần khích! Cụ cảm thấy cái mộng cử nghiệp dù đạt thành cũng chẳng làm gì! Cái danh vọng ông cống, ông nghè dù có được, cũng không thiết thực đối với thời thế hiện tại! Thế là cụ toan bỏ quách công việc học, công việc làm văn làm bài, một công trình đã mười năm đeo đuổi, để thay vào một công việc gì mà cụ tưởng nó thiết thực hơn! Nhưng công việc ấy nó còn là một vấn đề làm cho lòng cụ rợn rợn bồn bồn mà thôi, ngoài ra chưa có một cơ hội, một phương tiện nào để tiến thủ...

Cũng trong năm ấy, một dịp may mắn đưa đến: công việc gia đình từ lâu cụ phải trông nom giúp đỡ với thân sinh cụ thì, nay đã có bà kế mẫu thứ hai đảm nhận, cụ có được cơ hội để thân sinh cụ phải bằng lòng cho cụ từng học ở phương xa. Thế là cụ Cao Vân đã được nguyện vọng tối thiểu thoát ly gia đình, và từ đây cụ bắt đầu từ biệt gia hương, đặt chân trên bước phiêu lưu với quãng đường đời đầy chông gai và thăm thẳm...!

1 Trích ở tập "Hoàng Diệu".

III

CHÙA CỔ LÂM

Làng An Định, huyện Đại Lộc, thuộc miền thượng du tỉnh Quảng Nam; phía tây làng ấy có một hòn núi đất cây cối cần cù, lúa thừa có năm ba cổ thụ; quanh triền núi xa xa lác đác những túp nhà tranh. Ngoài những thì giờ hoạt động của rừng quê: cày ruộng, cuốc bờ, đốt than, đốn củi, thì khu tây lâm của làng An Định trở nên một vùng êm đềm tĩnh mịch, đáng là nơi ẩn dật của khách mẫn thế ưu thời.

Đặt trên đồi ấy một ngôi chùa cổ là Cổ Lâm tự. Ngôi chùa ấy không biết có từ đời nào, nhưng cứ xem ở lối kiến trúc cho đến những miếng ngói, viên gạch đã đầy vết tang thương, lại với cái tên Cổ Lâm, ta cũng đoán được là lâu lắm.

Chùa Cổ Lâm không phải là nơi giảng kinh thuyết pháp phổ độ chúng sinh, mà chỉ là nơi yên tĩnh tu hành của một ít nhà sư, và để bói quẻ xin xăm hỏi việc kết hung họa phước của dân quê quanh vùng ấy.

Giáp cận làng An Định, có làng Đại Giang, tục thường gọi là Bồ Phan. Làng Đại Giang có gia đình cụ cai tổng Trưng, một gia đình có quyền thế trong vùng chín xã Sông Con của thời ấy, lại cũng một gia đình có liên quan đến hành động cụ Cao Vân nên cần chép sơ vào đây.

Cụ cai tổng Trưng có đông con, nhưng chỉ còn một trai là Võ Thạch mà người ta hay gọi là ông Thừa Tô, và một gái.

Ông Thừa Tô cũng là một thư sinh thời ấy; người ông vạm vỡ khôi ngô, tính ông khảng khái cương trực. Về văn học, so với cụ Cao Vân thì ông không giỏi, nhưng về võ nghệ thì ông đã nổi tiếng miền sơn cước Đại Lộc, có lúc ông đã khắc phục được dân Mọi vùng ấy.

Ông và cụ Cao Vân đã hiểu biết nhau, mến phục nhau, và cũng đã kết giao mật thiết từ trong những ngày cùng đi nghe giảng sách hoặc chấm bài ở các trường. Thế nên công việc từ biệt gia hương, cụ Cao Vân đã bàn tính trước cùng ông và được ông nhiệt thành tán trợ.

Cũng trong năm Ất Dậu, vào khoảng giữa mùa đông, cụ Cao Vân cùng người nhà trên khoảng đường hai mươi cây số, một thầy một tớ dắt nhau thẳng đến nhà ông Thừa Tô, rồi vào chùa Cổ Lâm.

Vào chùa Cổ Lâm, một ý định đã xếp đặt tổ chức từ mấy tháng trước, mục đích tránh khỏi những bó buộc

của gia đình để được nơi tự do kết nạp bạn bè mưu đồ công cuộc cứu nước. Vậy nên sau ngày đặt chân vào chùa, cụ Cao Vân nghiêm nhiên đã đóng lấy vai tuồng một tu sĩ, khoác lấy chiếc áo đạo sĩ. Ông Thừa Tô là một thương khách lặn lội đó đây, nay phủ huyện này mai phủ huyện khác giao du để tìm người đồng chí.

Hoạt động trong thời gian, chùa Cổ Lâm trở nên có bóng người đi lại ngày một đông đảo, rồi đến không còn là nơi tĩnh mịch nữa; tuy nhiên công việc hành động vẫn được kín nhiệm.

Lúc ban đầu, quanh vùng An Định người ta có phần ngạc nhiên, nhưng về sau ngày lại tháng qua, người ta vẫn không tìm thấy gì lạ, các công việc ở chùa trước kia các sư đã làm, thì ngày nay ông đạo sĩ thời thế ấy vẫn tiếp tục...

◦ ◦
◦

Từ ngày kinh thành Huế mất, phong trào cần vương ở Quảng Nam do cụ Nguyễn Duy Hiệu (Hường Hiệu) điều động. Tuy đám dân quân ô hợp hồi ấy không tổ chức, không kỹ thuật, - vũ khí có một tí đạn dược, còn thì chỉ mác, phạng, dao, gươm, làm sao địch nổi với súng đồng, tàu sắt của quân Pháp, - nhưng vì tinh thần quá hăng hái, họ đã gây nên những trận đánh Đạo rừng rợn ở các vùng Gia Cốc, Trà Kiệu, thuộc phủ Duy Xuyên, Quảng Nam. Cứ như thế dằng co đến hai năm trời làm cho người Pháp phải mệt nhọc mà không sao đặt được bộ máy cai trị.

Theo bức thư của Nguyễn Thân gửi cho Toàn quyền Paul Doumer hồi 1902 [1](#) và theo tài liệu cần vương do cụ Huỳnh Thúc Kháng chép lại, thì năm Đinh Hợi (1887), Nguyễn Thân phụng mệnh vua Đồng Khánh, từ Bình Định mang quân ra Quảng Nam đánh tan giặc Văn thân và bắt sống tướng lãnh Nguyễn Duy Hiệu tại núi Ngũ Hành.

Sau ngày cụ Nguyễn Duy Hiệu bị bắt, đám dân quân vỡ tan, các tổ chức công khai hoặc bí mật, trực tiếp hoặc gián tiếp với công cuộc Cần vương ấy lần lần hầu hết bị khám phá, rồi đến nhóm tu sĩ Cổ Lâm cũng bị bọn tay sai chính phủ Bảo hộ để mắt đến.

Vì công cuộc mưu đồ tan vỡ, vì sự lúng túng bất ráo riết của chính phủ Bảo hộ, lại cũng vì sự giục thúc của gia đình, khoa Mậu Tý (1888), cụ Cao Vân từ giã Cổ Lâm ra kinh dự thí. Khoa ấy thi không đậu; tuy cụ trúng tuyển trường nhất, trường nhì, nhưng đến trường ba bài vở cụ phải cái lỗi động thời văn.

Hồng thi, cụ trở về Cổ Lâm, lúc bấy giờ mới thật là ầm ỹ, ngày cũng như đêm chuyên chú vào công cuộc khảo cứu, mãi đến năm Tân Mão (1891), ròng rã ba năm, cụ Cao Vân với bộ kinh "Dịch" là thầy, là bạn, là đồng chí, mà cũng là tri âm; ngoài ra, sự dĩ lại, còn có ông Thừa Tô, khách tình bạn bè thì không mấy ai dám lui tới nữa.

Tạm gác sự giao du để tránh khỏi những cơn khủng bố ghê tởm của nhà cầm quyền Bảo hộ, nhưng mà có tránh được nào. Năm Tân Mão chùa Cổ Lâm rung bị khám xét; vì tình thế không ở đây được nữa, duyên nợ ông sư thời thế với chùa Cổ Lâm chỉ có sáu năm, đến đây là mãn hạn!

Từ biệt Cổ Lâm, cụ Cao Vân lại trở về làng Đại Giang mở trường dạy học, rồi cũng trong năm Tân Mão, do sự chủ trương của ông Thừa Tô đưa đến cuộc thành hôn cho cụ với em gái ông là Võ thị Quyền, mà ở địa phương ấy người ta quen gọi là cô Ba Bàn.

Gần một năm trời ở Đại Giang, bên ngoài tuy dạy học, nhưng tâm trí cụ lúc nào cũng đuổi theo tình thế nước nhà. Nhiều lần cụ đã thốt ra cùng các bạn: "Làm trai sinh gặp lúc nước nhà biến cố, chẳng lẽ cứ ngồi yên để chịu làm tên rợ mất nước!" Mà nói đến công việc cứu nước thì khôn nỗi tình cảnh dân ta hồi ấy, lòng thù ghét chính sách thống trị, thủ đoạn đàn áp tuy chan chứa tràn ngập, nhưng từ nghĩa binh vỡ tan, tiếp đến các cuộc tàn phá, khủng bố gớm ghiếc làm cho rời rạc tan tác, đã thế, bên Bảo hộ thế lực ngày một mạnh, bọn chim muông theo phò tá ngày một đông, sự kiểm soát ngày một chu đáo, khó có phương nào tổ chức được! Chỉ có một cách mà cụ Phan Đình Phùng đã thực hành ở vùng Nghệ Tĩnh, là tìm lấy một địa hạt rừng núi sâu, địa thế hiểm, lúa gạo nhiều, để đủ điều kiện tạo nên một công cuộc tranh đấu trường kỳ... Nhưng địa hạt ấy lúc bấy giờ, sau bao lần dò hỏi ý kiến các bạn bè đồng chí, thì không có đâu phương tiện bằng tỉnh Bình Định; vì thế cụ lại quyết định rời khỏi Quảng Nam.

Mùa thu năm Nhâm Thìn (1892), nhờ sự hướng dẫn của anh em Văn thân, cụ Cao Vân, cô Ba Bàn và một đệ tử thân tín, Nguyễn Nhuận tức Xã Soạn, từ già đất Quảng Nam...

Để kết luận mục Cổ Lâm, để hiểu biết thêm tinh thần, ý chí cụ Cao Vân trong thời gian đương là một đạo sĩ, xin chép vào đây một bài thi chính tay cụ viết còn sót lại, lúc chúng tôi đến Cổ Lâm sưu tầm tài liệu để chép tập sử này đã tìm được trên một mảnh giấy, nét mực đã lu mờ theo thời gian.

THI

"Chí quyết tang bồng vỡ bốn phương,

Chống nằm chi để ghé râu vương.

Ba thù quyết trả đền ơn trọng,

Một giận mong ra gỡ tiếng ương.

Nợ nước đã toan tròn nghĩa vụ,

Tình nhà đành gác nỗi tư lương.

Nam mô nguyện trả xong rồi nợ,

Mỗi thánh đem về cõi Hạ, Thương".

[1](#) Trích ở tập "Phan Đình Phùng", trang 189.

IV

THÀNH BÌNH ĐỊNH

Thành Bình Định [1](#) cũng là nơi ghi chép nhiều dấu vết hùng cường của lịch sử dân tộc, chính nơi ấy Hậu quân Võ Công Tánh đã tử tiết, vị anh hùng áo vải Nguyễn Quang Trung đã xuất quân.

Đầu tiên cụ Cao Vân từ Quảng Nam vào trọ ở nhà một ông cả, bên thành ấy. Trước hết cụ mở trường dạy học, rồi đến bói quẻ làm thầy địa lý, là những tiểu thuật sở trường nhất của cụ; ngoài ra lại cũng vịnh phú ngâm thi là một trong những lối tiêu khiển của các nhà nho mà cũng là phương sách quyền rũ tri âm, tìm người tâm chí của các cụ ta ngày xưa.

Cụ Cao Vân vào đây, cảnh lạ người lạ, không được quen biết nhiều, chỉ có các ông Văn thân thì sự tới lui giao du lúc bấy giờ vẫn đương trong e dè cẩn thận. Với dân chúng thì cũng một tình trạng như Quảng Nam, nghĩa là từ ngày nghĩa binh cụ Mai Xuân Thưởng bị tan vỡ, quân Bảo hộ do Nguyễn Thân và Đốc phủ Trần Bá Lộc kéo đến giày xéo trên đất Bình Định, Phú Yên [2](#). Những nỗi đau thương khủng khiếp ấy tuy đã vùi dập trong thời gian, nhưng mãi đến ngày nay vẫn còn tiềm tàng trong lòng dân một mối căm hờn không sao nguôi được!

Trông vào lòng dân đương còn phẫn uất, nhìn vào dãy Trường Sơn thăm thẳm địa thế hiểm trở của tỉnh Bình Định, đường sá đi lại rất khó khăn, làng mạc phần nhiều trên rừng núi, chính phủ Bảo hộ không sao kiểm soát chu đáo được, cụ Cao Vân lấy làm đắc ý đặt bao hy vọng trên miếng đất này!

Ở Bình Định được vài năm, nghề dạy học không kể, nghề địa lý là một phương thuật để cụ đi lại tự do từ làng này sang làng khác, trên những khu rừng mênh mông chồng chập, mặc tình cho nhà địa lý học thi thố cái thuật hô long điểm huyết để thuận tiện truyền bá mào mống cách mệnh chống lại chính sách Bảo hộ. Hơn nữa, nghề bói quẻ lục nhâm thái ất của cụ lại cũng được vang đồn là linh nghiệm. Tin đồn ấy ban đầu còn trong huyện Phù Mỹ, Phù Cát, lần lần lan khắp tỉnh Bình Định, rồi đến cả những người từ Phú Yên cũng tìm đến xin bói hoặc đón rước cụ; nhờ thế mà khách tình thân chủ tín phụng cụ đi lại ngày một đông, và cụ cũng khéo áp dụng cái lối chinh phục khéo léo để lôi cuốn những người ấy làm cho họ về sau trở nên là những đồng chí hoặc những đồ đệ trung thành.

Thầy chùa Đá Bạc

Ở Bình Định lúc bấy giờ xảy ra câu chuyện kỳ dị làm cho dân chúng phải một phen mệt nhọc, các chùa chiền bị khám xét, các thầy chùa bị tình nghi đòi hỏi bắt bớ lôi thôi. Ấy là câu chuyện: "thầy chùa Đá Bạc", một câu chuyện dị đoan nhưng có liên hệ với tiểu sử này nên chép đại lược vào đây.

Bên sườn dãy Trường Sơn vào khoảng giữa huyện Phù Mỹ, Phù Cát, tỉnh Bình Định, một vùng núi sâu hiểm, ngoài những thổ dân Mọi, Mán và một số ít người chuyên nghiệp rừng núi thì không mấy ai đến nơi này. Vùng ấy có hang đá rộng lớn gọi là hang Đá Bạc. Hang đá này từ xưa đã có những đạo sĩ tu theo tiên thuật đến ở đây tu luyện. Gần đây, một sơn tăng tuổi độ bảy mươi cũng đến chiếm lấy hang đá ấy. Lão sư này tu theo đạo Phật, ông lại tịch cốc, mỗi ngày chỉ uống ít nước lã và ít thức rau, trái cây sống sẵn có ở rừng. Người ông xuất sinh ở đâu, tông tích tên họ là gì? không một ai biết nên kẻ thì gọi ông là thầy chùa hang, người thì gọi là thầy chùa Đá Bạc.

Theo địa thế, từ hang Đá Bạc đổ về miền bể là những núi lúp xúp, qua khỏi làng Thạch Bàn, Đại Phong đến chợ Gòm là nơi giáp tiếp con đường thiên lý từ Bắc vào Nam. Khỏi chợ Gòm, lại mọc lên một doi núi khá cao dài độ hai mươi cây số, chạy thẳng xuống cửa bể Đề Di. Khoảng thung lũng giữa doi núi ấy, chông lên một cụm đá cao vút, từ xa trông về giống như một hình người quái gở, nên người ta gọi đó là núi Bà Chăn.

Núi Bà Chăn cũng có một hang đá, và trước núi này là địa phận làng Chánh Danh, một làng có ngôi chùa rất cổ, và tại chùa ấy đã tạo ra câu chuyện kỳ quái sau này.

Vào khoảng năm Giáp Ngọ (1894), ở Bình Định gặp phải tai biến, bệnh ôn dịch lan khắp mọi nơi, nhất là huyện Phù Cát số người đau rất nhiều và số người thiệt mạng cũng không ít. Vì tai nạn ấy, thầy chùa Đá Bạc rời khỏi hang Đá Bạc, xuống ở hang núi Bà Chăn, hằng ngày ra chùa Chánh Danh cho thuốc.

Việc cho thuốc của thầy chùa Đá Bạc có một cử chỉ mới lạ: không thu tiền, cũng không nhận lễ vật.

Thuốc ông thì không gì lạ, chỉ một tấm giấy vàng có in hình năm phật Quan Âm bằng mực đỏ gọi là bùa Ngũ công Quan Âm, phát cho mỗi người một bùa ấy và truyền họ về van vái rồi đốt, hòa với nước uống.

Người ta trong lúc đau chân há miệng, ai bảo gì nghe nấy, huống nữa trình độ dân chúng hồi ấy, chính cái thời mà lý trí con người còn kém cỏi, thần mê tín đương đắc thế hoành hành, cố nhiên phù pháp đương được kính trọng.

Óái oăm thay, uống bùa ấy người ta lại bảo là linh nghiệm! Đầu tiên mới những người quanh vùng Chánh Danh, lần lần tiếng đồn rộng ra, khắp các nơi người ta tấp nập chen nhau đến để xin thuốc, cứ như thế rông rã mấy tháng trời làm cho làng Chánh Danh hóa ra náo nhiệt.

Vì quá huyền náo, quan địa phương tìm cách giải tán, không cho người các nơi đi lại chùa Chánh Danh, nhưng cách này người ta lại đi lối khác, bởi họ đã quá tin ở thầy chùa Đá Bạc là thánh, là thần, là ông gì gì! Cuối cùng đến phải có lệnh bắt thầy chùa Đá Bạc và xét hỏi lung tung.

Vì vụ thầy chùa Đá Bạc mà về sau nhà ông Tuần Thượng, người làng Chánh Danh, là nơi thầy thường đến, và nhiều gia đình khác cũng phải liên lụy đến khuynh gia bại sản.

Lúc bấy giờ cụ Cao Vân đương ở thành Bình Định, nghe thấy câu chuyện kỳ dị như thế, muốn tìm hiểu thì người thân tín cụ bảo cho biết qua hành động của thầy chùa Đá Bạc, và trong đám môn đồ ô hợp của thầy có được một ít người khá, mà Võ Trứ là người hoạt bát hơn hết.

Cụ muốn gặp ngay thầy chùa Đá Bạc hoặc Võ Trứ để biết thêm công việc họ làm như thế có nghĩa gì? Nhưng làm sao gặp được! Vì giữa lúc có sự nghi ngờ ngăn cấm thế ấy, thầy chùa Đá Bạc thì khi ẩn khi hiện không thường; Võ Trứ cũng không ở yên một chỗ, vì thế, cụ Cao Vân đến làng Chánh Danh mấy lần đều không gặp. Lần chót cụ vào chùa Chánh Danh, sẵn có bút mực, cụ viết ngay trên cái mõ lớn nằm chữ: "Tất giả chính danh hồ?"³. Câu này lời của đức Khổng tử ở sách "Luận ngữ", có nghĩa: tất là chính danh ư?

Thâm ý cụ muốn hỏi thầy chùa Đá Bạc và Võ Trứ, công việc các ông làm như thế cũng là vì chính danh, chính nghĩa chứ?

Viết xong, cụ ra đi...

- 1 Thành cũ (thành Đồ Bàn), không phải thành mới hiện nay.
- 2 Tài liệu trích ở thư Nguyễn Thân gởi cho Toàn quyền Paul Doumer, tập "Phan Đình Phùng" trang 190.
- 3 Sách "Luận ngữ", thiên "Tử Lộ" thứ 13.

IV

GẶP VÕ TRÚ

Làng Nhơn Ân, tổng Kỳ Sơn, phủ Tuy Phước, tỉnh Bình Định, là nơi xuất sinh Võ Trứ, một người đã tạo nên cuộc biến cố lớn ở tỉnh Phú Yên hồi năm Mậu Tuất (1898).

Võ Trứ sinh trưởng trong một gia đình chuyên nghề nông. Về đời tư của ông không được rõ, chỉ biết ông có học nho khá, và có lúc ra làm lý trưởng nhưng không nhớ năm nào.

Theo lời thuật lại của những người ở Bình Định, Phú Yên, kể thì nói ông có dính líu trong đám nghĩa binh Cần vương, người thì bảo ông là thầy chùa, có người lại bảo ông là thầy phù thủy; tuy mỗi người nói một thể, nhưng xét ra thì ba việc ấy có lẽ ông đều có cả.

Võ Trứ gia nhập làm môn đệ thầy chùa Đá Bạc lúc nào, không ai biết; bắt đầu từ ngày thầy chùa Đá Bạc ra cho thuốc ở làng Chánh Danh được ít lâu thì người ta đã thấy có mặt ông, và có lúc ông phát bùa cho thuốc hộ với thầy, hoặc thay mặt thầy tiếp xúc với các môn đệ. Nhờ thế mà môn đệ thầy chùa Đá Bạc nhiều người được biết ông, và sự quen biết ấy là một cơ hội sau này đã giúp ông dễ dàng lôi cuốn họ theo ông để làm một việc phi thường!

Lệnh cấm tụ tập ở chùa Chánh Danh đã đến lúc triệt để thi hành, và lệnh bắt thầy chùa Đá Bạc cũng đã thông sức khắp nơi, Võ Trứ phải thân hành đến từ mỗi làng, mỗi nhà, tiếp tục công việc phát bùa cho thuốc, vì thế mà ông ta phải hết sức nhọc nhằn bận rộn, thỉnh thoảng mới có thì giờ ghé viếng chùa Chánh Danh, là nơi tổ đình phát sinh cái thuật kỳ quái ấy.

Một hôm, Võ Trứ về chùa tình cờ trông vào cái mõ, thấy một giòong chữ ai đã viết, ông suy nghĩ hiểu được thâm ý của người viết ấy, nhưng chưa biết là ai. Người giữ chùa đem thuật lại với ông câu chuyện đến viếng chùa của một ông tú người Quảng là thầy địa lý hiện ở thành Bình Định, làm cho ông không còn ngạc nhiên nữa, mà nghĩ ngay đến cụ Cao Vân, một người mà ông đã được nghe nhiều và chính ông cũng đã có ý muốn gặp.

Cuộc gặp gỡ đầu tiên của cụ Cao Vân và ông Võ Trứ tại nhà một người thân chủ của hai ông là ông Cả Lược, ở làng Trung Chánh giáp cận làng Chánh Danh. Từ cuộc gặp gỡ đầu tiên ấy đến những cuộc gặp gỡ khác, hai ông đã tỏ ra rất đồng ý nhau ở mục đích duy nhất là cách mệnh chống chế độ Bảo hộ, mặc dù phương sách hành động còn chưa nhất trí, bởi mỗi bên đương phải hoạt động theo phương tiện riêng của mình.

Vào khoảng năm Ất Dậu (1895), dân chúng Bình Định còn đương liên lụy vì câu chuyện thầy chùa Đá Bạc, những môn đồ hoặc những kẻ có liên quan với thầy chẳng nói làm gì, khổn thay cho những người không hay biết chi cả cũng không yên được!

Trước bao nỗi phiền phức liên lụy ấy, bỗng nhiên thầy chùa Đá Bạc biệt tích, rồi một hôm những người đốt than đốn củi rầm lên báo tin thầy chùa Đá Bạc đã chết ở núi Chánh Danh. Được tin ấy, lý hào sở tại cấp tốc lên báo huyện. Huyện quan hiệp đồng tổng lý đến nơi khám xét thì quả thật thi thể của thầy. Từ đấy câu chuyện thầy chùa Đá Bạc dập tắt, các quan cai trị địa phương mới được yên giấc ngủ ngon, bọn lý hào ương ngạnh cũng hết cơ hội để hách dịch!

Thầy chùa Đá Bạc chết, nhưng hành động của thầy sau này lại càng hoạt động hơn nữa, bởi ẩn Ngũ công Quan Âm không biết thầy hữu tâm muốn truyền lại cho Võ Trứ, hay là vô tình mà để về tay ông ta?

Được ẩn Ngũ công Quan âm, Võ Trứ lấy làm đắc ý; ông thương lượng với cụ Cao Vân hoạch định một phương sách hành động duy nhất để thực hành ngay một cuộc bạo động! Cụ Cao Vân khuyên Võ Trứ không nên nghĩ đến một cuộc bạo động quá vội vàng, vì làm như thế chỉ có đi vào chỗ thất bại, mà một lần thất bại là một lần đau khổ cho dân về vật chất cũng như về tinh thần.

Theo ý cụ, công việc trước hết là lợi dụng lòng tin tưởng của dân, gieo vào cho họ một đức tin mãnh liệt để kết nạp thành một đoàn thể rộng lớn, để thu thập tiền bạc rèn đúc khí giới, tích trữ lương thực. Tìm một địa thế rừng núi sâu hiểm để làm nơi dụng binh. Chinh phục bọn thổ dân Mọi, Mán ở vùng ấy phải trung thành với mình. Tuy cơ hội phát khởi một cuộc bạo động bất ngờ, làm cho quân Bảo hộ không phòng ngừa kịp; thừa cơ hội cướp lấy súng đạn của họ tạo cho nghĩa quân ta một chủ lực khá dĩ, chừng ấy mới có cơ làm nên việc vĩ đại.

Tổ chức được như thế, vạn nhất nghĩa quân ta không thắng được, thì cũng còn có nơi rút lui để cố thủ với thời gian.

Kế hoạch đã quyết định, công tác đã phân phối, cụ Cao Vân cùng Võ Trứ chia tay mỗi người một ngả.

VI

GIẶC VÕ TRỨ

Năm Mậu Tuất - 1898 ¹, tại tỉnh Phú Yên, dưới sự lãnh đạo của Võ Trứ và một nhóm thầy chùa, dân chúng đứng lên chống lại chính phủ Bảo hộ.

Sau khi đám dân binh thất bại, nhà cầm quyền Bảo hộ khám phá được rất nhiều vũ khí giấu cất, phần nhiều là thứ rựa đồn cũi, và lùng bắt được một số dân binh, trong đó phần đông là thầy chùa, nên người ta gọi giặc năm ấy là giặc Võ Trứ, hay là giặc Thầy Chùa, lại có người gọi là giặc Rựa.

Duyên do phát sinh giặc ấy:

Sau lúc từ giã cụ Cao Vân, Võ Trứ vào huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên là nơi đã sẵn có nhiều người quen thuộc với ông ta, lúc bấy giờ ông càng nỗ lực hoạt động hơn trước.

Một mặt ông áp dụng ngay cái phương thuật sở trường từ những việc cho thuốc, phát bùa, nhượng sao, giải hạn, cho đến tống quái, trừ tà... ông đều làm nốt không bỏ sót một cơ hội, miễn là lời cuốn được quần chúng theo mình.

Một mặt ông bí mật liên lạc với các nhà sư ở các chùa, khắp phủ, huyện, xã, thôn là những đồng chí đã kết giao cùng ông từ lâu, hoặc mới gia nhập, để phân phát hành động.

Một mặt nữa, ông lại rất khéo vận dụng cái thuật phù pháp ấy chinh phục thổ dân Mọi, Mán, dọc theo dãy Trường Sơn, thuộc miền thượng du các phủ, huyện: Đồng Xuân, Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên, làm cho chúng tòng phục và tôn kính ông như một vị thánh thần.

Nhờ sự nỗ lực hoạt động như thế, chẳng bao lâu hầu hết các chùa chiền ở hai tỉnh Bình Định, Phú Yên, trở nên là những trụ sở bí mật của đảng Võ Trứ, những cơ quan tuyên truyền chống chế độ Bảo hộ có hiệu lực, những nơi quyên góp tiền bạc dồi dào.

Nhờ sự tổ chức khéo léo, tất cả hành động của Võ được chi phối khắp nơi, và bành trướng một cách mau chóng, mà trước mắt các quan cai trị địa phương không sao khám phá được.

o o o

Công tác của Võ Trứ vừa thực hành được một giai đoạn, thì cụ Cao Vân từ thành Bình Định cũng dọn vào Phú Yên, ở trọ nhà của một môn đồ thân tín huyện Đồng Xuân.

Cụ Cao Vân vào Phú Yên lần này vì nhận được tin mời của Võ Trứ, và chính cụ cũng quyết định vào để hợp lực cùng Võ trù hoạch thêm đường lối tiến hành.

Theo lời tường thuật của Nguyễn Nhuận (Xã Soạn), người được hiểu biết nhiều về các biến cố đã xảy ra hai tỉnh Bình Định và Phú Yên hồi ấy, thì công cuộc mưu đồ khởi nghĩa của Võ Trứ lúc ban đầu chỉ có ông ta với năm ba nhà sư, là những dư đảng Cần vương, từ ngày bị quân Bảo hộ đánh tan, lẩn khuất vào ở các chùa khoác áo tu hành để mai danh ẩn tích.

Công cuộc hành động của các sư cùng Võ Trứ lúc bấy giờ còn trong một phạm vi rất chật hẹp, với một ít thân bằng, một số tín đồ chưa đáng kể.

Sau nhờ có việc phát bùa cho thuốc, và sự cộng tác với cụ Cao Vân mới lời cuốn được một số quần chúng rất đông. Trong đám người ô hợp ấy, có cả giới thân hào thân sĩ tham dự, nên phương pháp hoạt động tuyên truyền mới bắt đầu có đường lối.

Rằm tháng Bảy năm Đinh Dậu nhằm ngày lễ Trung Nguyên, bốn đạo thập phương đi lại các chùa đông đảo. Để che mắt nhà đương cuộc, cụ Cao Vân cùng Võ Trứ lợi dụng ngay cơ hội, triệu tập hội nghị bí mật tại một ngôi chùa trên đỉnh núi thuộc phủ Tuy An, cách Sông Cầu độ hai mươi cây số. Ngôi chùa này tên chính là gì chưa khảo được, chỉ nghe người ta thường gọi là chùa Đá Trắng.

Cuộc đại hội này là lần đầu tiên có mặt cụ Cao Vân, Võ Trứ, các nhà sư, các thân hào, thân sĩ, ước gần ba mươi người đến dự, mục đích để xem xét lại thực lực và các việc đã làm, để ủy thác nhiệm vụ theo hệ thống tổ chức, hành động theo quy củ và mệnh lệnh chung, và để ban hành kế hoạch chuẩn bị chờ thời cơ thuận tiện khởi nghĩa.

Sau buổi họp ấy, toàn thể đảng viên chia nhau mua sắm khí giới, lớp phân phát mỗi nhà, giấu cất ở các chùa, ở khu rừng huyện Đồng Xuân. Và các phường Mọi cũng đua nhau chế tạo cung nỏ.

° ° °

Năm Mậu Tuất (1898), dân chúng tỉnh Phú Yên lại gặp phải một tình cảnh hết sức khốn khổ: nổi mùa màng mất sạch! nổi sưu thuế lại đến kỳ! ăn không đủ! mặc không đủ! còn phải lo trả một mớ nợ, mớ nợ không khát triển được: nợ sưu thuế!

Sau ngày lệnh quan trên truyền ra, những người không đóng góp được đều bị bọn cường hào thi hành bắt cả trâu bò, khuôn cả từ khí, cho đến mâm thau, nồi đồng, giường thùng, rương xe cũng đem phát mãi để nộp. Những dân nghèo nàn không có gia sản thì bị đóng gông giải về huyện!

Người dân tỉnh Phú Yên lúc bấy giờ đã phải đau khổ đến mực ấy, họ biết thống trách ai? Tất nhiên họ càng thù oán bọn tổng lý là những người trực tiếp bóc lột họ, và họ mong làm được những gì để trả thù!

Trong lúc lòng dân sôi nổi, lại Võ Trứ cũng đương băn khoăn vì việc đảng bị tiết lộ, bởi có người trong bọn đã cáo báo việc bí mật với nhà đương chức. Thế nên ông ta càng vội vàng thương lượng với cụ Cao Vân, triệu tập toàn đảng mở hội nghị bất thường quyết định ngày khởi nghĩa.

Lực lượng chuẩn bị mặc dù chưa kiện toàn, nhưng lần này cảnh ngộ không cho cụ Cao Vân can ngăn Võ Trứ như những lần trước nữa. Bởi công cuộc mưu đồ đã mấy năm chỉ mong chờ có cơ hội là nổi lên chống lại chính phủ Bảo hộ, lúc bấy giờ cơ hội đã đến, lòng dân đã tán thành, nếu không khởi nghĩa còn chờ đợi lúc nào? Huống nữa, công việc bí mật của đảng đã bị tiết lộ thì, dù khởi nghĩa hay không khởi nghĩa, cũng không tránh được những trận khủng bố nặng nề sẽ đến. Thà khởi nghĩa mà đành chịu lấy sự khủng bố ấy, để tạo một mối công phần trong quốc dân, làm mầm mống cho những cuộc cách mệnh liên tiếp.

Người sinh trên cõi đời, ai rồi cũng một lần phải chết, người tráng sĩ thà chịu rơi đầu ở chốn sa trường, chứ không bao giờ chịu khoanh tay để chờ kẻ địch đến hạ thủ!

° ° °

Vào khoảng mùa hè năm Mậu Tuất (1898, không nhớ rõ ngày tháng), một đêm, dưới bóng cờ to tướng đề bốn chữ "Minh trai chủ tử", Võ Trứ ngồi trên ngựa thân lãnh đốc suất một đạo dân binh, từ khu rừng huyện Đồng Xuân kéo xuống tỉnh lỵ Phú Yên là Sông Cầu.

Theo kế hoạch của Võ, trước hết vây cướp trại lính tập, đoạt lấy súng đạn để thiên chuyển chủ lực của

họ về cho dân binh, rồi đến các dinh sở Bảo hộ Nam triều là việc sau.

Võ tổ chức cho đi đầu độ một trăm tên Mọi, cung tên đầy đủ (vì cung tên là một thứ khí giới tinh nhuệ nhất của thời bấy giờ và bọn Mọi là những người thiện xạ hơn hết). Kế đó, độ ba bốn trăm đồ đảng đều cầm võ khí bằng mác rựa, và mỗi người đều có đeo một lá bùa hộ mệnh (vì họ rất tin Võ Trứ là tay phù pháp cao cường, nên đeo bùa ấy súng bắn không thủng, gươm chém không đứt; ông ta dựa theo lòng tin ấy để làm cho tinh thần của dân binh càng thêm hăng hái dũng cảm). Còn Võ Trứ đích thân đi giữa, tả hữu có các vị sơn tăng điều khiển dân binh tiến tới.

Đọc theo khoảng đường mười mấy cây số, các đồ đảng ứng chức sẵn để hô hào dân chúng gia nhập rất đông; lúc gần đến Sông Cầu, đã trở nên một đạo dân binh hùng mạnh ước trên một nghìn người, hăm hở xông tới...

° ° °

Bên chính phủ Bảo hộ, từ dẹp, xong các đảng Cần vương, Văn thân, công cuộc đồ hộ nước Nam vững như bàn thạch không còn gì mệt nhọc nữa.

Về chính trị đã tổ chức bộ máy cai trị được chu toàn, giao phó Nam triều trực tiếp điều khiển.

Về quân sự, chỉ có tách cách trị an, không gì đáng kể, nên những tỉnh không phải là trọng trấn chỉ còn để một ít lính tập dưới sự chỉ huy của viên quan một hoặc quan hai và một ít quân đội người Pháp. Thế nên tỉnh Phú Yên, một tỉnh nhỏ, có độ vài trăm tên lính tập, một viên quan một, vài viên quân đội mà thôi.

Bên Nam triều thì có một đội lính phòng thành độ ít chục người để canh gác giữ trật tự và chạy công văn, chỉ có thế.

Một vài tháng trước, do mật trình của viên Tri huyện Sơn Hòa, công sứ và bổ chính Phú Yên đã mật sức các phủ huyện, tổng lý phải dò xét rất kỹ hành tung của Võ Trứ.

Chiều một hôm nọ, Lưu Tuấn, người Bắc kỳ, đương chức Tri huyện Đồng Xuân, đến tỉnh phi báo: mấy ngày rày Võ Trứ tụ tập đồ đảng ở khu rừng thuộc phủ Tuy An, huyện Đồng Xuân, toan nổi giặc. Báo xong, tối hôm ấy, Lưu lên xuống chiếc thuyền con ra trốn ở một làng ngoài gành bể, sáng sớm ngày hôm sau mới về huyện. Vì vụ trốn này nên sau giặc Võ Trứ, Lưu bị giáng chức và đổi đi.

Được tin báo giặc, viên bổ chính Phú Yên lập tức xuống tòa báo sứ, và yêu cầu quân lính Bảo hộ đối phó.

Công sứ Phú Yên nghe báo vẫn nghi ngờ, bởi ông tin rằng; không thể có một sự biến cố lớn lao được. Tuy nhiên, ông vẫn cho quan một đồn lính tập hay để đề phòng, và cắt sẵn một đội lính đi tuần tiễu.

Đêm hôm ấy, các dinh thự thuộc Nam triều then gài cửa khóa, lính phòng thành canh giờ nghiêm ngặt. Bên Bảo hộ, tòa sứ, đồn lính cũng có vẻ đề phòng.

Công sứ Phú Yên, viên quan một và thông ngôn Nguyễn Chính (người làng Bạch Mai, Hà Nội), mỗi người một ngựa, đem theo mấy mươi tên lính tập súng đạn đầy đủ, từ Sông Cầu theo con đường thiên lý đổ về phía Tây nam, đi tuần tiễu và dò thăm tin tức luôn thể.

Khoảng mười một giờ đêm, lúc qua khỏi giốc Gấn, giốc Quít, cách Sông Cầu chừng bốn năm cây số, nghe xa về phía phủ Tuy An có tiếng người thì thầm như một đoàn ong võ tổ. Trông về phía ấy dưới bóng trăng mập mờ, một đoàn người đen nghịt từ trên những đồi núi kéo xuống; lính tuần đoán được là binh của Võ Trứ, lập tức lấp đạn vào súng sẵn sàng để đối phó.

Quả thật dân binh đã tiến đến. Võ Trứ đang giục ngựa xua tới, bỗng có tiếng súng từ phía trước đưa lại. Võ Trứ biết có quân Bảo hộ đề phòng, liền hạ lệnh bắn! Tức thì hàng trăm cây cung đồng thời bắn ra một lượt, tên bay như mưa, hàng nghìn dân binh reo hò vang dậy để trợ oai. Lúc ấy bên lính tuần cũng bắn trả lại ráo riết. Tiếng người la, tiếng súng nổ inh ỏi một phương trời, tưởng không khác nào một trận đại chiến của thời cổ.

Dân binh đương hăng tiến, chẳng may bốn năm tên Mọi trúng phải đạn, ngã gục tại trận, và một số dân binh bị thương. Chúng Mọi hoảng kinh kêu rú lên, cả bọn đều quay đầu chạy trở lại, làm cho đám dân binh ô hợp ấy càng thêm rối loạn hàng ngũ, xô nhau mạnh ai nấy chạy. Võ Trứ và các sơn tăng không còn đốc suất được nữa, đành phải rút lui vào rừng với mấy trăm đồ đảng, có cả tù trưởng và vài chục tên Mọi trung thành.

Theo phương lược cụ Cao Vân hoạch định, lấy rừng núi làm thế thủ, thừa lúc đêm mờ thế công, thế nên trong đêm ấy Võ Trứ cất đặt người võng những kẻ bị thương và kéo rốc tàn binh, lặn suối băng rừng về đến vị trí đã dự định. Đến nơi, số đồ đảng tán lác trong lúc hỗn loạn cũng lần lượt chạy về, kiểm điểm lại tất cả độ năm trăm người và vài ba chục tên Mọi. Võ Trứ phân phát nhiệm vụ bố trí đầu đó xong xuôi, cho người dò nghe tin tức bên chính phủ Bảo hộ để trừ bị đối phó và thừa dịp tiến binh...

Theo lời thông ngôn Nguyễn Chính, lúc trông thấy đoàn dân binh đương đổ xô tới như triều nước đương dâng, công sứ Phú Yên ra lệnh bắn bồng lên không mấy phát súng để dọa giải tán. Không ngờ đoàn người ấy càng tiến mạnh, càng bắn xả tên ra, túng thế công sứ, viên quan một và thông ngôn Nguyễn Chính xuống núp phía sau ba con ngựa, mấy mươi lính tập sắp hàng nằm rạp xuống bắn trả lại.

Độ nửa giờ sau, đoàn dân binh rối loạn bỏ chạy.

Đội lính tuần nhờ địa thế của eo giốc nên không thiệt hại nhiều.

Dân binh tuy bỏ chạy, nhưng lính tuần không dám đuổi theo vì đường rừng núi quanh co hiểm trở, lại trời ban đêm, nên kéo về Sông Cầu canh gác cẩn thận.

Tiếp theo mấy ngày sau, viên quan một và một trăm lính tập do theo đường làng, kéo lên bắn phá sào huyệt Võ Trứ ở một khu rừng cực tây thuộc huyện Đồng Xuân (chưa khảo được địa điểm).

Bắn phá cũng không tiêu diệt được đám dân binh ấy, bởi ban ngày thì họ trốn mất ở rừng sâu núi hiểm, ban đêm họ mới hiện ra để thao diễn. Tuy hồi ấy chưa có danh từ du kích, nhưng chiến lược của họ cũng giống như chiến thuật du kích ngày nay.

Kết cuộc, quân Bảo hộ phải dùng cái thuật sở trường nhất của các nhà binh pháp xưa nay là thuật hỏa công! Ngọn lửa bốc lên gặp trời mùa hè của xứ Trung, cỏ cây khô cháy, nên chỉ trong ngày đêm là ba làng thuộc huyện Đồng Xuân (chưa khảo được tên làng) hòa ra một đám tro tàn! Từ đây dân binh mới chịu tan...!

1 Năm 1898, tài liệu của ông Trần Nguyên (con trai cụ Cao Vân), đăng ở báo "Saigon", cải chính với ông Phan Khôi về đoạn lịch sử ký sự cụ Cao Vân, đăng báo "Sông Hương" năm 1934.

VII

ĐỘNG BÀ THIÊN

Địa điểm động Bà Thiên (chưa khảo được đích xác), cứ theo địa thế và lời tường thuật của cụ bà Trần Cao Vân, thì nơi ấy trong một vùng núi cao thâm hiểm thuộc miền cực tây tỉnh Phú Yên. Từ Sông Cầu đến đấy phải trải qua bao gồ ghề quanh co lên đèo xuống suối. Nơi đây là quê hương riêng biệt của dân Mọi, người Việt ta không một ai léo hánh đến.

Chính lúc Võ Trứ phất cờ xuất quân, cụ Cao Vân đương nằm trên giường bệnh cho ma sốt rét hoành hành. Tuy nhiên, cụ vẫn tiếp xúc cùng Võ để điều động công cuộc hưng binh...

Từ nghĩa quân thất trận, tin tức báo về liên tiếp... Một đêm, vào lúc canh tư, một sơn tăng cùng với mấy tên Mọi đến nơi trọ của cụ Cao Vân, xin võng cụ lên động Bà Thiên, theo kế hoạch đã dự định để cụ ẩn mình.

Trước tình cảnh vô cùng bối rối, phần thì quân lính Bảo hộ kéo lên đốt phá làng mạc, khủng bố ráo riết, phần thì bệnh tình cụ Cao Vân ngày một trầm trọng, cụ bà còn phải đeo mang hai trẻ đại, một trẻ năm tuổi, một trẻ vừa mới thôi nôi. Nổi nước, nổi nhà gặp bước éo le cấp bách đường ấy, không đưa cụ Cao Vân lên trốn ở xứ mọi, còn biết đường nào?

Đưa cụ đi trong lúc yếu đau nguy kịch, lại đến nơi rừng sâu nước độc, thú dữ ma thiêng, thật là một điều bất đắc dĩ; hơn nữa, làm sao săn sóc thuốc thang cho cụ! Cụ bà đành phải gạt nước mắt chịu theo cảnh ngộ, cắt đứt tình mẹ con để theo phụng sự chồng, một ông chồng lịch sử! Cụ bà gởi hai trẻ lại, trẻ năm tuổi giao đệ tử Nguyễn Nhuận trông nom, trẻ một tuổi giao cho một môn đồ thân tín đưa về Bình Định cấp dưỡng; còn cụ bà theo cụ Cao Vân lên xứ Mọi. Chuyến đi này, một chuyến đi gian lao cam khổ của đôi vợ chồng người chí sĩ trót đã hiến mình cho non sông!

Công việc lên xứ Mọi, đồ đảng họ đã tổ chức từ bao giờ. Lúc đến nơi, họ đưa cụ Cao Vân vào ngay động Bà Thiên, ở tận trong một thung lũng núi thâm u không làng mạc dân cư. Xa xa mới trông thấy một vài chòi mong để canh phòng ác thú, của thổ dân Mọi cất để chen giữ ruộng rẫy. Họ để cụ Cao Vân ở một cái chòi mong cao và rộng rãi, rồi hằng ngày tù trưởng và ít tên Mọi đi lại thăm nom giúp đỡ với cụ bà.

Khốn thay bệnh sốt rét của cụ Cao Vân vì trải bao ngày cảm nhiễm phải khí độc, uống phải nước độc của rừng núi, ngày nay lại mang cái quái tật ấy trở về với rừng núi, thật là một cơ hội tốt cho ma bệnh càng đắc thế tung hoành. Thế nên lên động Bà Thiên chỉ trong thời gian, ma sốt rét rừng chưa hàng phục được, bệnh phù thũng lại nổi lên, làm cho tính mệnh người chí sĩ mỏng manh như ngọn đèn hết dầu treo trước gió!

Lên động Bà Thiên để trốn, làm sao có được thầy thuốc để xem xét bệnh tình? Phần thì không dám nhờ Mọi xuống chợ quán phố phường mua một thứ gì có thể người ta nghi ngờ, thì làm sao có được thuốc thang! Sinh mệnh người chí sĩ chỉ còn trông vào các thức rễ cây, lá cây của dân Mọi hái cho, là phương thuốc tạm vãn hồi chút tàn lực để tranh đấu với tử thần kéo dài từng giờ phút! Dường co như thế hằng tháng trời mới tiếp nhận được thuốc men, lương thực do đồ đảng bí mật tổ chức nhờ Mọi mang lên; từ đây bệnh tình cụ Cao Vân lần lần mới chịu thuyên giảm.

Cám cảnh thay cho cụ bà với những ngày náo nùng thê thảm ở động Bà Thiên! Mỗi lúc nhìn đến chồng, nhớ đến con, trăm chịu thất ruột! Nhưng tình chồng vợ, nợ non sông, là một sức mạnh phi thường giục thúc "người gái Việt", xưa kia đã đuổi quân Tô Định ra khỏi biên thùy! Sức mạnh ấy ngày nay đã giúp cụ bà Cao Vân chiến thắng được muôn nghìn nỗi đắng cay giữa chốn rừng hoang núi thẳm để phò tá chồng.

Mặc dù được sự giúp đỡ của thổ dân Mọi, sự tiếp tế của các môn đồ, cụ bà cũng phải vất vả cực nhọc không xiết kể, thế nên cụ Cao Vân vừa khá dậy, thì cụ bà lại ngã xuống, cũng mắc phải cái bệnh sốt rét ác nghiệt ấy. Mỗi lần cơn rét rừng rợn nổi lên, cụ Cao Vân phải bò dậy lấy cả chăn chiếu lại đắp cho cụ bà, vì vốn vẹn có hai chiếc chiếu và một mảnh chăn vải ta cũng đã cũ mềm.

Lúc này phải nhờ đến dân Mọi cả những việc cơm cháo thuốc thang, mãi đến hai ba tuần sau sức khỏe cụ bà mới hồi phục. Một hôm cụ bà ráng chồm dậy mang bầu đi lấy nước, lâu ngày mới xuống suối, trông thấy cua, rạm ở gần đá, mừng quá! Cụ bà đuổi theo bắt được một mớ; mắng theo bắt cua, quên việc mang nước về. Cụ Cao Vân nằm ở chòi trông đợi cụ bà ngày một mất, hoảng kinh! Lo cho cụ bà gặp phải điều chẳng may, vì ở núi này có lắm độc xà ác thú, nên cụ vội vàng leo xuống chòi chống gậy lần theo đường mòn trèo lên một tảng đá kê rú lên. Một lúc sau mới thấy cụ bà mang bầu nước xách trui cua từ dưới chân núi lần lên vừa thở hào hển!

Bữa cơm trưa hôm ấy, ngoài những thức ăn hằng ngày, cá khô, mắm mặn, lại có thêm được một món cua rất khoái khẩu. Ăn xong, còn thừa lại một ít để dành tối, chẳng may cụ bà lỡ tay đánh rơi bể mất cái đĩa; nhìn theo cái đĩa bể, cụ bà có vẻ rất tiếc vì từ đồng quê mang lên vốn vẹn chỉ có hai cái. Trước tình cảnh thảm thiết ấy, cụ Cao Vân xúc cảm ngâm lên tám câu thi để khuyên cụ bà:

"Hầm đúc xưa nay sẵn núi đồng,

Ăn rồi trách đĩa bể vừa xong.

Kho lâu rịn nước bầu Nhan Tử,

Nấu chín còn manh mẽ Thạch Sùng.

.....
Thôi thôi đồ đất phường chi tiếc,

Dành để bếp trời hiêm ² chào bung".

Ở động Bà Thiên được một thời gian ngắn, thành linh một đêm nọ vào lúc canh một, từ trong dãy Trường Sơn, mờ mịt, Võ Trứ hiện ra cùng đi với hai tên Mọi vào động, vừa thấy mặt cụ Cao Vân chưa kịp hỏi một lời, Võ ôm lấy cụ khóc rống lên hồng hộc! Một hồi lâu mới đem hết tình trạng của nghĩa quân từ ngày thất trận kéo vào rừng, tường sẽ tập trung tại vị trí cố thủ để trừ liệu tấn công; không ngờ, trong bọn có người mưu phản, tố cáo với nhà cầm quyền Bảo hộ, dắt đường cho quân lính lên đốt phá sào huyệt, khủng bố lương dân, khám xét các chùa chiền, bắt các sư, các tăng chúng hạ ngục! Trước tình cảnh ấy, lực lượng nghĩa quân không đánh mà tự phải tan rã; các sơn tăng, đạo sĩ ai thoát được thì chạy về thâm sơn cùng cốc ẩn mình. Chính Võ cũng nay lên trốn phường Mọi này, mai đến phường Mọi khác, mãi cho đến mấy tháng sau tấn thăm kịch khủng bố vẫn kéo dài mãi, vì họ chưa bắt được người thủ lãnh. Thế nên mục đích Võ đến động Bà Thiên để diện hội cùng cụ Cao Vân, thăm hỏi bệnh tình cụ, bày tỏ những nỗi thống khổ của xã dân cho cụ nghe, và gửi gắm bao việc về sau cho cụ. Còn Võ quyết phải ra mặt nhận lãnh hết công việc đã làm, để cứu vớt đồ đảng lương dân thoát được một phần nào trong bao nỗi thảm khốc.

Trước bao lời lẽ vừa bi cảm, vừa phẫn nộ của người tráng sĩ đến bước cùng đồ, bao tiếng gầm thét náo nùng của con hùm thiêng đến phút sa cơ, cụ Cao Vân cố dằn mà không được. Cụ cũng nắm tay Võ Trứ, nước mắt chan hòa, vừa ảm ức, vừa khuyên can. Nhưng Võ quyết một hai không chịu nghe. Đến lúc phân tay, cụ chỉ thốt được mấy lời: "Ngày nay ông đã liều chết để cứu lấy đồ đảng, lương dân, tôi còn sống lại sau này cũng nguyện đem cái chết để đền nợ non sông!" rồi gạt nước mắt mà tiễn biệt Võ Trứ...

¹ Hai câu này vì lâu ngày nên cụ bà Cao Vân đã quên.

² Hiêm là hiêm gì, ý nói nhiều.

VIII

MƯỜI MỘT THÁNG NGỤC PHÚ YÊN

Từ biệt cụ Cao Vân lần cuối cùng, dọn dờ các việc về sau nhờ cụ, Võ Trứ tự ra nấp mình.

Chính phủ Bảo hộ bắt được tướng lãnh Võ Trứ, tường sẽ đào bới sạch gốc rễ, phen hết ngọn ngành, không ngờ Võ Trứ đã có một ý định, nên một mực không chịu khai gì cả, thủy chung chỉ khẳng khái một lời: công cuộc bạo động chính mình Trứ dùng ấn Ngũ công Quan Âm tạo nên, ngoài ra không còn ai nữa, tất cả đồ đảng là những người bị Trứ xúi giục. Chỉ khai có thế, rồi giao ấn Ngũ công Quan Âm trước công đường.

Tra tấn Võ Trứ mãi, vẫn không tìm được manh mối gì nữa, đành phải đưa Võ ra pháp trường trảm quyết.

Người tráng sĩ xem cái chết như lúc ra về! Quả thật, một ngày nọ trong khi đưa Võ đến pháp trường, người ta trông thấy Võ tuy bị trói ngồi trong rọ, nhưng trông người Võ vẫn thản nhiên trầm tĩnh, cho đến phút cuối cùng người tráng sĩ đã gục trên bãi cỏ!

Vụ bạo động này, số người bị liên lụy chưa khảo được đích xác. Cứ theo những người có mặt ở Phú Yên hồi ấy, người thì bảo tất cả có mười hai người tử hình kể cả Võ Trứ. Có kẻ lại nói phỏng độ năm, sáu người, vì lúc ấy, khoảng cầu Tam Giang dọc theo đường thiên lý phía ngoài Sông Cầu, họ trông thấy có năm, sáu đầu người bêu ở các cọc tre trông hai bên đường. Còn những người bị bắt bớ cầm tù, tịch thu gia sản thì nhiều lắm, nhất là các thầy chùa thì trong hai tỉnh Bình Định, Phú Yên, khám đường nào cũng có mặt.

Giặc Thầy Chùa tan, tướng lãnh Võ Trứ cũng đã lên đoạn đầu đài, các vụ bắt bớ ngày một dịu bớt; cảnh trạng khủng khiếp ấy cũng đã phai nhạt.

Cụ Cao Vân ở động Bà Thiên trải bao ngày tháng, các chứng bệnh nguy hiểm tuy đã qua khỏi, nhưng sức lực trong người cụ ngày thấy một hao mòn, liệu thể không thể chịu lâu đặng với khí độc rừng núi. Cụ để tâm dò nghe được câu chuyện Võ Trứ đã gần dập tắt, nên đương nghĩ cách để ra khỏi động Bà Thiên, thì các người đồ đệ tâm phúc của cụ cũng đến xin cụ để họ tìm cách vận động rước cụ ra khỏi núi.

Lúc bấy giờ bổ chính Bùi Xuân Huyền đương trấn nhậm tỉnh Phú Yên, và viên Tri huyện Đồng Xuân (không biết tên) là hai nhân vật mà đại khái tâm tình của họ thì cụ Cao Vân đều đoán được cả. Cụ mới tán thành cho người tâm phúc đến dò thăm trước, rồi những lần sau cụ bà tiếp tục đưa lễ vật trân mỹ của rừng núi đến để cầu thân, rồi sau cùng cụ mới ra.

Ra khỏi núi, bốn tâm cụ Cao Vân muốn được gần gũi với các môn đồ trong lúc tan tác để an ủi họ, và làm những việc mà Võ Trứ đã thiết tha ký thác lại với cụ, mà một phần cụ cũng để điều dưỡng lại sức khỏe. Không ngờ ma tha quan lại bắt! Cụ mới về đến nhà người thân chủ ở huyện Đồng Xuân chưa đầy một tuần, thì có lệnh huyện quan đến bắt cụ tổng giam, rồi ngày hôm sau giải ngay cụ xuống tỉnh bỏ vào ngục.

Cụ Cao Vân trong ngục, bên ngoài cụ bà cùng các người môn đồ cụ lo lắng vận động đủ mọi cách; nhờ thế mà tuy cụ bị ở nhà lao, nhưng xét ra cũng có phần dễ thở hơn những ngày ở núi.

Cụ Cao Vân bị hạ ngục, nhưng không có án tiết gì, bởi Võ Trứ đã khẳng khái đảm nhận công cuộc bạo động đã xảy ra. Hơn nữa, không ai khai và cũng không có một bằng cứ nào của cụ; chỉ có xét bắt được các giấy tờ gởi cho Võ Trứ ký tên: "Chánh Minh", và các thư từ của Võ mở đầu đều có mấy chữ: "Chánh Minh tâm giám", nhưng không tìm ra được Chánh Minh là ai, mặc dù Chánh Minh ấy chính là bí danh của cụ Cao Vân, mà ngoài Võ Trứ và các yếu nhân trong đảng ra, thì không một ai biết được. Thế nên nhà cầm quyền cai trị lúc bấy giờ chỉ có quyền nghi cho cụ Cao Vân là Chánh Minh và là quân sư của vụ bạo động ấy, nhưng không đủ bằng cứ để kết thành cho cụ một cái án. Tuy thế, cụ cũng không tránh được những trận tra tấn và bị giam mãi cho đến mười một tháng trời mới được thả ra.

IX

VỤ ÁN TRUNG THIÊN DỊCH. BA NĂM NGỤC BÌNH ĐỊNH VÀ QUẢNG NAM

Năm Canh Tý - 1900 ¹, hai tỉnh Bình Định Phú Yên lại xảy ra câu chuyện rất xôn xao náo nhiệt không kém với các cuộc biến cố vừa qua: vụ án "Trung thiên dịch"!

Kinh "Dịch", một bộ sách rất cổ trong kho tàng triết học Trung Quốc, sáng tác từ vua Phục Hy, đời thượng cổ.

Theo "Thế giới đại sự biểu", thì vua Phục Hy có vào khoảng bốn nghìn năm trước tây lịch kỷ nguyên.

Phục Hy làm ra Dịch "Tiên thiên", Văn Vương bày thêm Dịch "Hậu thiên", Chu Công, Khổng Tử phụ thêm vào các lời: "Hào từ, Thoán từ, Văn ngôn, Hệ từ, Thuyết quái, Tự quái, Tạp quái, v.v." để bàn cho rộng và rõ thêm nghĩa "Dịch". Về sau, từ nhà Hán đến nhà Thanh, hằng trăm học giả Trung Quốc đua nhau bàn tán về kinh "Dịch", kẻ bàn thế này, người luận thế khác, nhưng chưa ai bàn ra ngoài thể tài của Dịch "Tiên thiên" và "Hậu thiên". Đến những tay cụ phách trong làng Tống nho như Chu Hy, Trình Di cũng chưa có ý kiến gì khác.

Cụ Cao Vân được ra khỏi ngục Phú Yên trở về với nghề cũ. Lần này cụ lại chuyên vào công việc mở trường, dạy học, giảng nghĩa kinh "Dịch", một bộ sách có thể nói là chuyên nhất của đời cụ. Đại khái chúng tôi đã lược bày ở mục "Cổ Lâm", ngoài những lúc mưu đồ phục quốc, thì cụ chuyên vào việc khảo cứu Dịch học.

Có lẽ nhờ chuyên tâm nghiên cứu mà cụ thông được Dịch lý; nhờ thông "Dịch" mà cụ có cái lối bói

quẻ rất tài tình. Nhờ bói quẻ mà thời ấy cụ đã hấp dẫn được quần chúng, họ đã cảm phục cụ như những nhà tiên tri, họ quá ca tụng đến bịa cho cụ có cái tài nham độn xuất quỷ nhập thần.

Nhưng thông "Dịch" giỏi quẻ chưa phải đủ điều kiện để xướng tác ra một thuyết "Dịch" thứ ba nếu không phải một thiên tài! Phương chi đương cái thời đại mà nền Hán học (lối học khảo cứu nghĩa lý) như đã suy đồi, đột nhiên cụ Cao Vân đề xướng thuyết "Trung thiên dịch", đem Dịch "Tiên thiên" của Phục Hy và Dịch "Hậu thiên" của Văn Vương phối hợp thành Dịch "Trung thiên", thật là một thuyết mới mẻ nhất trong học giới Hoa Việt xưa nay! Chính cái thuyết mới ấy làm cho sĩ phu nước ta lúc bấy giờ ai nghe đến cũng không khỏi ngạc nhiên! Mãi cho đến ngày nay cũng chưa ai hiểu nó ra làm sao.

Thuyết lý "Trung thiên dịch" thế nào thật không ai biết. Những đồ đệ cao cấp, những ông bạn đồng song và những người đã được nghe cụ Cao Vân nói về "Trung thiên dịch" thì ngày nay không còn. Chúng tôi có gặp được vài người có thể gọi là học trò cụ, thì họ cũng thú nhận họ không được hiểu lắm, họ bảo: lúc bấy giờ cụ Cao Vân đã làm thành "Trung thiên dịch đồ", đã biên soạn rất nhiều tài liệu, dự định viết thành sách, nhưng chưa thực hành được thì cụ bị bắt, "Dịch đồ" và tài liệu ấy [2](#) lớp bị tịch thu, lớp bị thất lạc, lại nhà nào có một tí giấy tờ dính líu đến "Trung thiên dịch" cũng bị liên can, nên đành phải hủy diệt hết, không một ai dám giữ lại.

Thuyết "Trung thiên dịch" truyền ra hai tỉnh Bình Định, Phủ yên, người ta theo đông lắm! Dường như phần đông họ tòng phục thuyết ấy không phải lối thông đạt nghĩa lý, trái lại, họ tin bằng lối tín ngưỡng quỷ thần hay một vấn đề thần bí của thời ấy. Họ tin tưởng đến trong hàng môn đệ của cụ mỗi nhà đều có treo một tờ giấy viết sáu chữ, giữa "Trung thiên", tả "Tiên thiên", hữu "Hậu thiên", để hàng ngày chiêm ngưỡng.

Vì số người lui tới với cụ ngày càng đông, vì vấn đề "Trung thiên dịch" trong dân chúng cứ thăm thì bàn tán, nhà chức trách địa phương lo sợ câu chuyện Võ Trứ lại phục sinh, bèn ra lệnh bắt cụ Cao Vân và một số đồ đệ mà họ cho là những người quan trọng đem tống giam ngay vào ngục Phú Yên, và đồng thời khám xét khắp xã thôn, nhà nào có tờ "Trung thiên dịch" cũng bị bắt và tịch thu ngay giấy tờ ấy đưa về các phủ, huyện.

Lần này cụ Cao Vân, cụ bà và đệ tử Nguyễn Nhuận đều bị hạ ngục cả.

Giặc Võ Trứ hạ màn, chưa đầy ba năm tỉnh Phú Yên lại xảy ra một vụ biến cố nữa. Như thế quan cai trị địa phương không tránh khỏi sự khiển trách của triều đình Huế; thế nên bố chính Bùi Xuân Huyền càng cáu tiết, bắt cụ Cao Vân tra tấn ngay.

Lần này không xét bắt được một bằng cớ gì liên quan đến quốc sự, nên Bố chính Bùi lại quay về tra khảo cụ Cao Vân về vụ "Trung thiên dịch" mà bố chính cho là hoặc thế vu dân xúi dân phiến loạn.

Chiều hôm ấy, lính điệu cụ Cao Vân đến dinh bố chính. Trước công đường có trải chiếu chiếu để cụ viết lời khai, tình cờ con cóc đầu nhảy vào chiếu. Bố chính Bùi bảo cụ Cao Vân: "Nghe anh có tài làm thi giỏi, anh hãy thử vịnh bài thi con cóc kia xem!"

Cụ Cao Vân suy nghĩ trong chốc lát, viết ra tám câu thi:

"Muôn vật thân ta nghĩ lại càng...

Nổi mình trông thấy cóc ngồi hang.

Áo sồi một tấm trời che đậy,

Hang thẳm mấy từng đất mở mang.

Giếng ếch nở thềm đua lặn hụp,

Cung Thiềm riêng ở mặc nghinh ngang.

Nghiến răng sấm dậy chùng ra cửa,

Lưỡi quét xong ruồi kiến thấy tan".

Bố chính Bùi nổi giận lôi đình, cho bài thi ấy có ý mỉa mai và ngạo mạn, truyền lính đem cụ Cao Vân ra đánh và bắt cụ phải khai.

Vụ khai này suốt mấy ngày trời mà vẫn chưa xong, phải khai từ lý do nào có "Trung thiên dịch" và phải bàn về nghĩa lý của thuyết dịch ấy.

Khai đi khai lại mãi, lời khai dài hàng mười mấy tờ giấy đại. Đại khái những đoạn nói về khởi đoạn của sách "Trung thiên dịch" ấy người ta còn truyền đọc mấy câu:

"Vãng Ngũ Hành sơn, ngộ nhất lão ông, hậu, đại nhất thanh đồng, tả chấp thư nhất quyển, hữu chấp liên nhất hoa, tả bộ tả ngâm, đoạn tọa thạch bàn thượng....."

.....

Truyền thọ 'Thiên thư' tam quyển

Hựu viết: 'Ngô nãi đông, tây, nam, bắc nhân, ngô hiệu nang danh...'

Nghĩa là:

"Đến núi Ngũ Hành, gặp một ông già, dắt theo một thanh đồng, tay trái cầm quyển sách tay phải cầm hoa sen, vừa đi vừa ngâm, rồi nghiêm trang ngồi lên tảng đá....."

.....

Ông già ấy trao cho ba quyển 'Thiên thư'...

và bảo: 'Ta là người đông, tây, nam, bắc, tên ta khó nói là gì...!'

Bố chính không tin, cho là những lời bịa đặt. Cùng nước, bố chính dùng đến khổ hình tra tấn cụ Cao Vân và các môn đệ, nhưng, thủy chung lời khai vẫn không thay đổi. Đến lượt cụ bà cũng bị mấy chục roi da, máu rơi thịt nát! Nổi thống thiết ấy, trong lời "Tự thuật", cụ Cao Vân có mấy câu:

"Mắt nhìn trẻ tay cầm gông đỡ,

Đau ruột vì nghĩa vợ tình con.

Mẹ cha luống những hao mòn,

Đẻ thằng Tứ Hải nước non mong nhờ.

Nào hay mưa gió mịt mờ,

Mình đương gánh khổ ra cơ hội này".

.....

Vụ tra tấn kết liễu, bố chính Bùi Xuân Huyền kết tội cụ Cao Vân dùng "yêu thơ yêu ngôn" xúi dân phản loạn, tuyên án tử hình! Bản án tư bẩm về triều đình Huế xin phê chuẩn. Còn gia quyến cụ Cao Vân giải về giam ở ngục Bình Định.

Triều đình Huế lúc bấy giờ trong hàng các quan nhiều người cảm tình với cụ Cao Vân, họ muốn che chở cụ, bằng tìm những lẽ bác bỏ cái án tử hình của tỉnh Bình Định. Cho tất cả hành động cụ Cao Vân chỉ có tính cách mê tín, chứ chưa có gì can hại đến quốc chính. Tuy thế, cụ Cao Vân cũng phải bị cái án ba năm khổ sai; cụ bà, Nguyễn Nhuận và các môn đệ, mỗi người hai năm, một năm, hoặc năm, bảy tháng tù ở; đến thân sinh cụ cũng phải bị phạt 40 đồng về cái tội cha, anh không dạy dỗ con em...

Cụ Cao Vân ở ngục Bình Định được tin thân sinh cụ cũng bị liên lụy, bị xét nhà, bị phạt vạ, cụ vô cùng thống thiết, đã thốt ra mấy câu trong bài "Tự thuật":

"Bốn mươi trự ³ chẳng nghèo là mấy,

Phạt vạ này ai thấy không thương.

Nợ con cha trả lạ đường!"

.....

Lúc này tuy dần thân trong chốn lao tù, cụ Cao Vân thì bị đau ghê, cụ bà lại bị sốt rét liên miên, nhưng còn được may mắn là vợ chồng, cha con, thầy trò được đoàn tụ, lại có cả anh em dân tăng là những đồng chí cũ bị tù từ vụ Võ Trứ còn lại cũng được gặp gỡ. Bên ngoài thì trong hàng lính tráng; cai, đội, một số môn đồ cụ, họ tìm cách che chở cho nhưng anh em môn đồ các tỉnh đi lại dễ dàng để viếng thăm và tiếp tế các thức dùng đầy đủ. Như thế, mặc dù mất cả tự do, nhưng khách ưu thời cũng vui được với những phút cao hứng trong chốn khảm đường; cao hứng đến thỉnh thoảng cụ Cao Vân lại ngâm lên bài thì còn nhớ được hai câu rất lý thú:

"Một lỗ cùm xây vòng tạo hóa,

Hai vai gông nặng gánh kiên khôn".

.....

Được một năm, cụ bà và đệ tử Nguyễn Nhuận được tha trước. Ra khỏi nhà lao, nhờ các môn đồ giúp đỡ cho cụ bà thuê nhà trong thành Bình Định buôn bán nuôi các con dại. Nguyễn Nhuận thì tìm việc làm ở ngoài để phụ trợ với cụ bà và cũng để đi lại giao thông với các môn đồ cụ ở các tỉnh.

Tổng đốc Bình Định hay được môn đồ cụ Cao Vân lẫn lộn với dân chúng đi lại tụ tập trong thành lập tức ra lệnh ngăn cấm. Một mặt, những người cai, lính bị tình nghi là môn đồ cụ đều đổi vào Phú Yên hoặc các nơi. Cấm được một vài tháng, họ lại liên lạc nhau bằng cách khác, rồi cũng tụ tập trở lại như cũ. Kết cuộc phải đưa cụ Cao Vân về giam ở ngục Quảng Nam.

Được lệnh cụ Cao Vân bị đưa về Quảng Nam, cụ bà cùng đệ tử Nguyễn Nhuận, thầy trò thu xếp bán nhà cửa đồ đạc, tay dắt tay bồng ba trẻ dại theo về Quảng. Các môn đồ lo góp tiền bạc cho người mang theo để giúp cụ bà thuê đất cất một túp nhà tranh, bên ngoài cửa hậu thành tỉnh Quảng Nam để gần gũi cụ Cao Vân.

Kết luận, cái án "yêu thơ yêu ngôn" tưởng đã là lời khai tử để kết liễu cuộc đời cụ Cao Vân, đồng thời với ngày khai tử thuyết "Trung thiên dịch", không ngờ cụ Cao Vân vẫn còn sống sót lại với cái án ba năm tù: một năm ngục Bình Định, hai năm ngục Quảng Nam.

¹ Năm phát sinh vụ án này, theo tài liệu ông Trần Nguyên, đã đăng ở báo "Saigon" hồi năm 1934, cãi chính với ông Phan Khôi báo "Sông Hương", về lịch sử ký sự cụ Cao Vân.

² "Dịch đồ" và tài liệu tịch thu, đưa về Bộ (triều đình Huế).

³ Trự tức là đồng bạc, tiếng nói địa phương của tỉnh Quảng Nam.

X

SÁU NĂM CÔN ĐẢO. VỤ DÂN TRUNG KỲ KHÁNG THUẾ

Năm Mậu Thân (1908), tại tỉnh Quảng Nam lại xảy ra một biến cố quan trọng gây ảnh hưởng cả mười tỉnh Trung kỳ, làm cho quan lại Nam triều một phen mất vía, chính phủ Bảo hộ cũng có phần lo ngại. Ấy là vụ "kháng thuế", mà có nơi người ta gọi là "giặc Đồng bào" hoặc "giặc Cúp tóc".

Duyên do phát sinh vụ ấy, từ phong trào Cần vương hạ màn, tình thế nước ta lúc bấy giờ không thể còn dùng phương sách võ lực chống lại chính sách Bảo hộ một cách ồ ạt như thế nữa. Hàng sĩ

phụ lại quay sang con đường xuất dương vận động đưa học sinh trốn sang nước ngoài học tập; trong nước thì hô hào: "khai trí trị sinh" ¹, lập học trường, lập thương hội, cắt tóc, Âu trang, vân vân. Với sự tàn ác bất công, đám dân chúng phải sống trong những ngày đau khổ đen tối dưới chế độ thừa hành của quan lại Nam triều mặc tình hống hách! Đại khái như vụ Đề đốc Trần Tuế, phủ Tam Kỳ (Quảng Nam) đánh đập dân xấu tàn nhẫn! Có lúc y ghé vào nhà bên đường nghỉ trưa, nghe trẻ con khóc, bắt chủ nhà căng thẳng ra đánh, lại còn giải về huyện tống giam! Đã thế, còn nổi xấu cao thuế nặng, dân chúng họ cảm thấy những nổi bất công ấy đã tạo ra một mối căm hờn trong lòng họ, nhưng họ có làm gì nổi!

Từ ngày các sách vở báo chí mới, các lời kêu gọi thống thiết của cụ Sào Nam ở hải ngoại gởi về như: "Việt Nam vong quốc sử", "Đề tỉnh quốc dân ca", v.v. được ngấm ngấm truyền bá trong dân chúng, tiếp đến lời "Điều trần" của cụ Tây Hồ gởi cho Toàn quyền Paul Beau kẻ vạch tình tệ quan lại Nam triều v.v... quần chúng như đã được tiêm sâu vào huyết quản họ một tia máu tự cường, làm cho họ không còn quá khùng khiếp đối với uy quyền quan lớn như trước nữa. Họ biết cách phản đối bọn quan lại tham ô bằng cách tố cáo, như học trò phủ Tam Kỳ (Quảng Nam) hợp bầy tống kiện viên Tri huyện, và nhiều vụ khác nữa...

Từ đây cái mầm phản đối quan lại tham ô, chống lại chế độ quá hà khắc, đã kết cấu trong lòng dân chúng, chờ có cơ hội là nảy ra.

Vào khoảng thượng tuần tháng Hai năm Mậu Thân (1908), vụ kháng thuế xảy ra trong một trường hợp bất ngờ. Đầu tiên ở huyện Đại Lộc (Quảng Nam), năm ba bác hào lý, cùng vài ba cậu học trò (Lương Châu, Trương Hoàn, Hứa Tạo, người làng Phiếm Ái, Hà Tân, La Đái), nhân ăn đám dỡ ở một nhà nọ, trong lúc hào hứng cùng đem câu chuyện xấu cao thuế nặng ra bàn, rồi cùng nhau nghĩ cách làm đơn lấy ký để trình lên huyện, nhờ huyện quan bẩm tỉnh, tòa, khẩn khoản xin giảm bớt sưu thuế cho dân, kéo nặng quá không đóng nổi.

Công việc lấy chữ ký bắt đầu tiến hành năm, bảy làng lân cận trong tổng, đã có mười lăm, mười bảy lý trưởng ký vào, không ngờ bác lý làng La Đái sinh tâm, lên đi báo huyện câu chuyện đầu đuôi để lập chút công lao.

Tri huyện Đại Lộc nghe bảo đen trắng chưa tường, hoảng hốt, lập tức xuống tỉnh, tòa phi báo!

Anh em chủ trương vụ lấy ký hay được lý trưởng La Đái đã báo huyện, tự biết việc không xong, nếu không kịp đến trình bày tự sự với huyện quan, không khỏi bị gán cho cái tội quần tụ thì khôn! Thế là cùng nhau thẳng lên huyện, xin vào yết kiến để bày tỏ câu chuyện xin xấu và mong huyện quan đứng ra xin giùm. Không ngờ đến huyện gặp phải quan đề bọc thơ, nghe dân kéo tới đông, lật đặt bảo lính đón lại không cho vào và truyền ra: quan huyện đã xuống tỉnh bẩm việc tụ tập của các anh rồi!

Không được vào hầu, lại nghe lính bảo như thế, anh em xin xấu nhìn nhau ngơ ngẩn, kẻ bàn thế này, người bàn thế kia; trong lúc bàn tán phân vân, một vài anh học trò đứng ra đề xướng: việc chúng ta làm, quan đã báo tỉnh, thì dù có tan về cũng không tránh khỏi tội quần tụ ký chỉ, chừng ấy chúng ta sẽ bị bắt bớ tra hỏi lời thôi, lụy mình mà không danh nghĩa gì. Chi bằng ta cùng theo quan huyện mang đơn xuống tỉnh kêu nài, dù nguyện vọng chúng ta không được thỏa mãn, quan trên cũng hiểu được hành động của chúng ta với tính cách kêu ca, chứ không gì trái phép.

Đồng ý kéo nhau xuống tỉnh, dọc theo khoảng đường hai mươi bốn cây số từ Đại Lộc đến tỉnh Quảng Nam, hai bên làng xóm dân cư trù mật, nghe thấy đoàn người kéo đi xin xấu, họ cũng rủ nhau lục tục nhập vào; đến Vĩnh Điện, cách tỉnh một cây số, đã có hàng sáu trăm người; khi vào đến cửa thành, đã có lính vâng lệnh quan tỉnh ra ngăn lại, vện hỏi: dân ở đâu, kéo đến có việc gì?

Anh em dân kể chuyện dân chúng Đại Lộc theo quan huyện xin vào yết kiến cụ Tỉnh xin xấu, v.v. Lính bảo: "Quan huyện của các anh đã báo tỉnh, các anh tụ tập khởi nguy! Bây giờ đã xuống tòa báo Sứ rồi, không cò ở đây!"

Anh em dân không ngờ câu chuyện hóa ra tày trời, đã đến nước này âu đành hèn nhau vừa hô hào xin xấu, vừa kéo thẳng xuống tòa (Công sứ phủ).

Khoảng đường mười cây số từ tỉnh đến tòa, xã dân bên đường nghe thấy lời lẽ tuyên truyền rất hợp ý, lại thêm cảm khích với cảnh trạng cuồng nhiệt của đoàn người đương rần rộ kéo đi, họ đua nhau nhập thêm vào, mãi đến phố Hội An, số người đã lên tới hằng nghìn.

Công sứ Quảng Nam được tin Tri huyện Đại Lộc báo: "Dân Đại Lộc khởi ngục", tiếp đến lính tuần phi báo: "Đoàn dân ồ ạt kéo xuống đông như kiến!" Công sứ lập tức ra lệnh canh gác nghiêm ngặt, và ngăn cản đoàn dân ấy lại, truyền cho họ biết: muốn gì chỉ được phép phái đại biểu vào, không được làm náo nhiệt.

Theo lời lính truyền ra, anh em cử ba đại biểu: Lương Châu, Trương Hoàn, Hứa Tạo, vào để bày tỏ với công sứ nỗi đau khổ và nguyện vọng của dân...

Ban đầu công sứ đe dọa mấy câu: "Các anh kêu ca gì thì gửi đơn đến là đủ, tụ tập thế này là các anh có ý làm loạn!" Và trả lời tiếp, đại ý việc xâm thuế, ở đây công sứ không có đủ thẩm quyền tăng giảm, dân chúng giải tán ra về lo làm ăn, chờ tư bẩm lên Toàn quyền và Nam triều sẽ trả lời sau...

Ba đại biểu ra thuật lại những lời của viên công sứ, anh em dân không bằng lòng, vì những lời hứa ấy không gì chắc chắn, nên không chịu giải tán, cứ ở lại nằn nì van nài. Công sứ ra lệnh đàn áp, bắt ba đại biểu hạ ngục, rồi chiều hôm ấy đầy đi Lao Bảo tức thì! Thế là vụ xin xâm từ đấy càng sôi nổi...

Câu chuyện xin xâm đồn ra, dân chúng các phủ, huyện Quảng Nam cũng như các tỉnh khác, sẵn có một tâm sự như anh em dân Đại Lộc, nên nghe việc xin xâm, tức thì rần rần nổi lên hưởng ứng như triều nước đang dâng!

Ban đầu từ tỉnh Quảng Nam rồi lan rộng ra các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Thừa Thiên, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An, v.v. dân chúng cứ tiếp tục rủ nhau kéo đến vây các công sở tỉnh, phủ, huyện, xin giảm xâm thuế.

Vụ này hai tỉnh Bình Định, Phú Yên mạnh mẽ nhất, nêu ra cả những khẩu hiệu "đồng bào", và thi hành "cúp tóc", thế nên mới có câu chuyện "giặc Đồng bào", "đảng Cúp tóc".

Vụ dân xin xâm, một hành động bất ngờ không tổ chức, tiếc vì quan cai trị địa phương hồi ấy không khéo dàn xếp, để xảy ra một vụ biến cố tày trời, đến không tránh được những tấn kịch thảm thiết, bao nhiêu người vô cớ bị bắn giết trong lúc hỗn loạn, hầu hết thân sĩ toàn kỳ lớp bị án tử hình, lớp bị đầy Côn Lôn, Lao Bảo, làm cho sĩ dân nước ta lúc bấy giờ đối với chính sách chính phủ Bảo hộ họ càng thêm vào một mối bất bình!

° ° °

Cụ Cao Vân ra khỏi ngục Quảng Nam trở về với gia đình, cái gia đình sở hữu đầu tiên và cũng là duy nhất của đời cụ, một túp nhà tranh nhỏ ngoài cửa hậu thành tỉnh Quảng Nam.

Tháng Hai năm Mậu Thân (1908), vụ dân xin xâm nổi lên một hành động mà chính cụ không hiểu biết chi cả.

Một hôm, vừa tảng sáng đã có lính đến bắt cụ tổng giam vào ngục Quảng Nam mà không cho biết duyên cớ gì, mãi đến hằng tuần mới hay vì câu chuyện xin xâm! Rồi cách mấy tuần sau các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Phan Thúc Duyện, Tiểu La Nguyễn Thành, Châu Thơ Đồng, Lê Bá Trinh, Trương Bá Huy và các thân sĩ khác từ nhà lao Hội An hoặc các nơi mới giải về giam ở ngục Quảng Nam để chờ ngày lãnh án. Nhờ thế mà các cụ được gặp nhau, một sự gặp gỡ bất ngờ! Thì ra, câu chuyện xin xâm cụ nào cũng không hay biết gì cả. Nhân thế, cụ Cao Vân đọc bài "Ca trù" dài, xin trích một vài câu mở đầu:

"Nhất xang ngâm sái sái,

Thiên trận bút thao thao.

Hỏi việc chi ủa! Có biết đâu nào?

Khi không thỉnh vô lao ngồi lúc ngúc.

Nào những khách triều đình, nào những

trang khoa mục,

Cục hỗn nguyên vinh nhục xáo nhất trường

Xâu một xâu ngô đạo thấy mà thương,

Thử nhân vẫn bí thương hề thù tạo? [2](#)

Phen này quyết niếu lưng con Tạo,

Mở bụng ra xin hỏi đạo đại nguyên".

.....

Đến ngày tuyên án, tòa án Nam triều tỉnh Quảng Nam kết tội các thân sĩ, đại khái vì "hô hào dân trí, cổ vũ dân quyền", v.v. là mầm mống xui dân dấy loạn. Tuyên án người thì năm năm, mười năm tù, kẻ thì chung thân khổ sai đầy Côn Lôn, Lao Bảo, gặp ân xá không được về. Các tỉnh khác cũng tiếp tục có những phiên tòa tuyên án kết án như thế.

Vụ án này có cái chết của hai nhà chí sĩ Quảng Nam, Trần Quý Cáp (Trần Nghi), Châu Thơ Đồng (Châu Thượng Văn), là cái chết vô cùng cảm động.

Cụ Trần Quý Cáp, một tay cừ khôi trong giới cựu học, lại cũng là một lãnh tụ đề xướng tân học, chính vì tính cụ ngay thẳng, làm cho giới quan lại hồi ấy sẵn có mối ác cảm đối với cụ. Nhân vụ dân xin xâu nổi dậy, chúng tạo ra những bằng cớ vu khống cho cụ để kết cho cụ án tử hình rồi đưa lên đoạn đầu đài; sau mới tư bảm triều đình Huế.

Cụ Châu Thơ Đồng, lại cũng một tay cụ phách trong giới cách mệnh lúc bấy giờ, là bạn chí thân với cụ Sào Nam và cụ Tiểu La. Gặp vụ dân biến ấy, cụ khẳng khái đứng ra đảm nhận hết các việc đều do mình suất sử, rồi cụ tuyệt thực hai mươi hôm, chết tại lao Phủ Thừa (Huế).

Trước cái chết bi thảm ấy, cụ Cao Vân có câu đối khóc cụ Châu:

"Ngã bất năng xā sinh! Nại hà tại 'Trung thiên dịch' sơ khai, Dữ lý thất niên tiền vị diễn.

Quân nãi năng tựu nghĩa! Nan đắc giả vạn thể kinh độc thủ, Thú dương thiên tải hậu du văn".

Cụ Huỳnh Thúc Kháng dịch nôm:

"Ta có tiếc sống đâu! Ngặt vì dịch 'Trung thiên' mới mở đầu, Dữ lý bảy năm chưa kịp diễn.

Người hản theo nghĩa đấy! Khó nhất kinh muôn đời hay giữ chắc, Thú dương nghìn thuở vẫn còn nghe".

° ° °

Án đã kết thành, đến ngày 8 tháng Tám năm Mậu Thân (1908) mới bắt đầu có những chuyến tàu tiếp tục đưa các thân sĩ ra đầy ở Côn Lôn.

Ở Quảng Nam, riêng cụ Cao Vân vì những hành động dĩ vãng của cụ đều xảy ra trên đất Bình Định, Phú Yên, nên còn chờ để tra hỏi thêm hai tỉnh ấy rồi cũng kết án khổ sai chung thân, qua năm sau (năm Kỷ Dậu - 1909) mới đầy cụ ra Côn Đảo [3](#).

Lần này cụ Cao Vân đặt chân lên đất Côn Lôn mang theo huy bài chung thân khổ sai, là một lần đi vĩnh biệt, không phải như ngày từ biệt gia hương trước kia, thế nên cụ không tránh được bao nỗi

ngĩ ngời bần khổn! Nghĩ đến Tổ quốc đương trong những ngày đen tối, công cuộc vận động giải phóng biết bao giờ mới thành công!?

Nghĩ đến gia đình, nhà còn thân sinh tuổi độ bảy mươi, trong những lúc yếu đau, ai là người sớm hôm quạt nồng đắp lạnh!

Nghĩ đến các môn đồ đồng chí, người góc bể kẻ chân trời, rời rạc tan tác! Những phút hoài cảm thể lương ấy, cụ đã ngâm lên bao bài thi, lời văn vừa hùng tráng, vừa bi cảm, xin chép vào đây hai bài để chứng cho tâm tình cụ trong lúc ấy, và cũng để kết luận mục "Sáu năm Côn Đảo".

Bài thứ nhứt

"Vấn dư hà sự đảo Côn Lôn?

Tứ vọng thương mang ỷ ngục môn.

Trung quốc vị thù nam tử trái!

Hiếu gia du hám lão thân tồn!

Ngư thơ hải ngoại truyền tâm huyết,

Kinh hồng thiên biên tỉnh mộng hồn.

Hồng lạc hồi tư khai Việt tổ,

Thử thân thệ hữu thử kiên khôn!"

Xin dịch nôm:

"Cớ gì ta lại đến Côn Lôn?

Trời bể mệnh mang tựa ngục trông.

Thù nước chưa nguôi cơn báo phục!

Thảo thân khôn thấu nỗi hàn ôn!

Cá đi muốn gửi lời tâm huyết,

Sóng vỗ như khua giấc mộng hồn.

Nhớ tổ Lạc Hồng công dựng nước,

Thân này thệ nguyện với kiên khôn!"

Bài thứ hai

"Phương châm vị định thốn tâm huyền,

Đa tích nhiệt thành dĩ hữu niên.

Bất đảo Côn Lôn chân lạc địa,

Yên tri hoàn hải đại toàn thiên.

Ngô đồ lạc lạc hữu đa thán,

Tạo chủ thương thương tự hữu quyền.

Tối thị anh hùng ma luyện xứ,

Cổ kim kỳ cục hữu kỳ duyên".

Xin dịch nôm:

"Phương châm chưa định dạ chưa yên,
Tâm sự bao năm chữa phỉ nguyên.
Chẳng đến Côn Lôn nơi thắng cảnh,
Biết đâu hoàn hải cõi toàn thiên.
Khuyên cùng bè bạn đừng ta thán,
Đã có cao xanh tự chủ quyền.
Rèn đức anh hùng đây đã sẵn,
Nghìn xưa kỳ cuộc cũng kỳ duyên".

-
- [1](#) Mở mang học hành, nâng cao đời sống.
 - [2](#) "Nguyên nhân ấy chỉ có trời ai gây nên". Vì không cụ nào hiểu biết gì cả.
 - [3](#) Tài liệu dân Trung kỳ kháng thuế trích ở "Di cảo" cụ Huỳnh Thúc Kháng.

XI

GẶP VUA DUY TÂN

Ở vào thời đại chế độ quân chủ chuyên chế đương cực thịnh, vua là đáng chí tôn chí quý, đối với thần dân như trời với vực! Thế mà tiếng gọi của non sông là một sức mạnh thiêng liêng đã lướt qua bao lớp thành trì cung điện để làm môi giới cho cuộc gặp gỡ giữa vua Duy Tân và hai nhà chí sĩ, hơn nữa, hai người công dân: Trần Cao Vân, Thái Phiên.

Duyên do đưa đến cuộc gặp gỡ ấy, trước hết xin kể qua vua Duy Tân, một nhân vật liên quan với tập sử này.

Vua Duy Tân tức Hoàng tử Vĩnh San, con thứ của Hoàng đế Thành Thái, một ông vua sẵn có tư chất thông minh, tinh thần khảng khái hoạt bát, thích tự do, trọng chính nghĩa, như phần đông bạn đọc đã biết. Ông vua ấy lại sinh trưởng phải hoàn cảnh xã hội đến lúc tiêu trầm đen tối; bao nhiêu những nỗi bầm gan, tủi nhục, ích kỷ, bất công, bao trùm đầy nghẹt cả người vua!

Nào những biến cố của gia tộc, từ vua Tự Đức nhắm mắt, triều chính ngày một khuynh đảo, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường tự quyền phế lập bỏ vua Dục Đức còn bắt hạ ngục đến dỗi mà chết! [1](#) Vua Hàm Nghi phải bỏ ngôi! Đến đức phụ hoàng (vua Thành Thái) của nhà vua cũng bị đày! Trước bao tấn kịch thảm khốc thể lương đã diễn ra, tưởng trong lịch sử hoàng tộc xưa nay chưa từng có, thì bảo ông vua thông thái ấy không tím ruột bầm gan làm sao được?

Nào những đau buồn của dân tộc, mỗi lần trông ra dãy non sông hùng vĩ từ Bắc chí Nam, trải bao đời các đấng tiên vương anh hùng đã phải hy sinh bao nhiêu huyết hãn mới mở mang chống giữ được, thì non sông gấm vóc ấy ngày nay nhà vua tự thấy mình không được hoàn toàn tự chủ! Như thế không tủi nhục làm sao được?

Nào những tình tệ của quan lại, những đau khổ của quốc dân, bao nhiêu nỗi ấy đập mạnh, kích thích mạnh vào tâm trường nhà vua, giục nhà vua phải tiến thân trên con đường cách mệnh chống lại chính sách bảo hộ giữa thời đương cường thịnh.

Muốn thực hành ý chí ấy, muốn tiếp xúc với các nghĩa sĩ cần vương, và cũng muốn khuây khỏa

bao nỗi u hoài trong thâm cung, nhà vua tỏ ra bức bối muốn đi lại đó đây. Triều đình và chính phủ Bảo hộ chiều ý nhà vua, bày lập lương đình ở cửa Tùng (tỉnh Quảng Trị) để nhà vua nghỉ mát. Nhờ thế mà vua mới có dịp gặp ông Khóá Bảo, một nhân sĩ cách mệnh ở chợ phiên Cam Lộ [2](#), nhờ thế mà nhà vua càng được thấu đáo những nỗi lầm than của quốc dân! Các nhân sĩ cách mệnh lúc bấy giờ cũng nhờ có cơ hội ấy mới hiểu thêm được ý chí nhà vua và từ mối tương thông tương cảm ấy đưa đến cuộc gặp gỡ sau này...

o o o

Hội "Việt Nam Quang Phục"

Cuộc Cách mệnh Tân Hợi (1911) thành công, dân tộc Trung Hoa đứng lên phát cờ dân chủ, nền đế chế Mãn Thanh bị sụp đổ! Trước cảnh trạng nô nức ấy giục thúc các nhà cách mệnh ta còn đương bôn lưu ở hải ngoại càng thêm bồn khoăn nghĩ đến nước mình!

Năm 1912, cụ Sào Nam từ Xiêm sang Tàu hội họp các đồng chí tại Quảng Đông, thành lập hội "Việt Nam Quang phục" để vận dụng về nước.

Âu chiến bùng nổ năm 1914, đến năm 1915 khói lửa chiến tranh đương đỏ rực phía trời Âu, miền Đông bắc nước Pháp bị quân Đức uy hiếp mãnh liệt! Tình thế ấy cố nhiên nước Pháp phải lo thu cả toàn lực để bảo vệ chính quốc, chẳng những phải triệu hồi các quân đội ở các xứ thuộc địa, còn phải tuyển mộ thêm binh lính các xứ ấy nữa.

Chụp lấy thời cơ, lúc bấy giờ ở nước ta các đảng bộ cách mệnh dưới sự điều động gián tiếp của hội Quang Phục ở hải ngoại, các nhóm thân sĩ mặc dù trải qua những cơn khủng bố đến phải rời rã, ngày nay cũng bắt đầu hoạt động lại. Trong số ấy, đảng bộ Quảng Ngãi có phần khá hơn, nên ở Quảng Ngãi họp nhau cử đại biểu sang Xiêm để quan sát tình thế và cũng để liên lạc với hội Quang Phục ở Tàu [3](#).

Trước tình thế ấy, không hiểu những người Đức họ sẵn có cảm tình với các nhà cách mệnh Việt Nam, hay là ngón chính trị khôn khéo của họ muốn mượn tay các nhà cách mệnh Việt Nam cũng như các nhà cách mệnh khác để xúi dân chúng các xứ thuộc địa Pháp nổi lên chống lại chính phủ Bảo hộ, làm cho lực lượng nước Pháp phải bị chi phối nhiều nơi, như thế là để giúp họ hoàn thành cái chiến thuật dương đông kích tây? Thế nên mới có câu chuyện muốn gặp lãnh tụ cách mệnh Việt Nam để bàn việc viện trợ của viên lãnh sự Đức ở Xiêm, mà cụ Đặng Tử Kính viết thư cáo báo với cụ Sào Nam.

Lúc bấy giờ cụ Sào Nam ở Quảng Đông đương bị Long Tế Quang bắt hạ ngục. Mặc dù trong cảnh lao lung, nhưng cụ vẫn quan tâm theo dõi thời cuộc, nên lúc nhận được thư cụ Đặng Tử Kính gửi đến, cụ lập tức viết thư phúc đáp và giới thiệu cụ Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền sang Xiêm điều đình.

Kết cuộc lãnh sự Đức chỉ biểu cho các nhà cách mệnh Việt Nam một vạn bạc để tỏ tình thân thiện, và mong các nhà cách mệnh Việt Nam hãy cố làm làm sao có sự vang động ra để chính phủ Đức được biết, chừng ấy sẽ có sự viện trợ chính thức nhiều hơn.

Một vạn bạc dùng vào công việc quân binh thật nó có ăn thua vào đâu. Các nhà cách mệnh ta lúc bấy giờ cũng thừa hiểu như thế, nhưng vẫn cố áp dụng thủ đoạn phi thường trên con đường tranh đấu cố gây một biến cố trong nước để mong nhờ sự viện trợ chính thức của chính phủ Đức, thế nên nhận một vạn bạc ấy bỏ ra mua sắm quân khí, thu cả tàn lực tổ chức ba đội quân kéo về biên giới Bắc Việt đánh vào.

Phương lược tiến quân chia làm ba ngả. Đội quân thứ nhất dọc theo lối Đông Hưng về tấn công vùng Mông Cáy, do cụ Nguyễn Mạnh Hiếu chỉ huy. Đội thứ hai dọc theo ngả Long Châu tiến về khắc phục vùng Lạng Sơn, do cụ Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền điều động. Đội thứ ba kéo về Hà Khẩu để đột nhập Lào Kay, do cụ Hoàng Trọng Mậu suất lãnh. Nhưng lúc ấy cụ Hoàng Trọng Mậu ở Vân Nam, vì một ý kiến riêng nên không nhận lãnh; đội quân ít chục người ấy lại do hai cụ Võ Mẫn

Đình, Nguyễn Hải Thần kéo về đánh một đồn binh Pháp ở Tà Lùng, gần Lạng Sơn 4 .

Trong năm ấy, hai đại biểu của đảng bộ Quảng Ngãi nhận huấn lệnh từ Xiêm trở về nước báo cáo tình trạng ở nước ngoài. Tiếp đến tin bí mật từ hải ngoại gửi về do cố đạo Bàn Gốc trao lại. Các đảng bộ trong nước nỗ lực hoạt động chuẩn bị, chờ đến mùa đông năm Ất Mão (1915) nổi lên làm nội ứng với ba đội quân ở Tàu kéo về 5 .

o o o

Được ân xá

Cụ Cao Vân ở Côn Đảo được sáu năm; nhờ có sự vận động của các người đệ tử, và những người có cảm tình với cụ như Tổng đốc Tạ, lãnh binh Lê, là hai nhân vật có thế lực đối với triều đình Huế hồi ấy, lại hiện đương trấn nhậm tỉnh Quảng Nam, nên cụ được ân xá.

Theo chuyến tàu đưa tù ở Côn Đảo về, hai cụ Cao Vân, Trương Bá Huy được đưa về đến nhà giam Hội An (Quảng Nam), nhằm bữa chiều 30 tháng Chạp năm Quý Sửu (tháng Giêng 1914). Sáng ngày mừng một Tết năm Giáp Dần, cụ Cao Vân được gặp mặt cụ bà, các con và những người thân trong gia tộc tại Hội An.

Còn được trở lại quê hương, còn được gặp mặt các người thân trong muôn nghìn sự bất ngờ, còn chi vui mừng hơn nữa! Nhưng đối với cụ Cao Vân thì nỗi vui chưa thỏa, nỗi buồn lại vương! Vì cái tin thân sinh cụ đau nặng, bệnh tình đương lúc nguy kịch, làm cho cụ tê điếng cả người! Thế mà còn phải chờ đợi ở nhà giam Hội An hằng một hai tuần, giấy tờ bầm báo xong xuôi mới thẳng về quê được.

Ngày 30 tháng Giêng năm Giáp Dần, thân sinh cụ tạ thế, bao nỗi buồn thương ân hận càng giày xéo trong tâm trường cụ, làm cho cụ không thể quên được nghĩa vụ của người con...!

Từ ngày từ biệt gia hương hai mươi tuổi đầu, đến nay gần năm mươi tuổi, hai mươi chín năm trôi mới có được cái thời gian mười tám ngày gần gũi bên cạnh cha già, thì đáng từ phụ ấy cũng vội vàng vĩnh biệt, còn mong gì thù báo trong muôn một với công ơn sinh thành ấy!

Thật sinh đứng làm trai phải lúc nước nhà tai biến, hiếu thân, trung quốc, không làm sao được vẹn toàn!

Lễ tổng táng thân sinh cụ xong, cách ít tháng sau, tiếng gọi non sông lại giục thúc cụ phải ra hoạt động. Anh em đảng bộ Quảng Ngãi mời cụ tham gia tổ chức để cùng điều động công cuộc cách mệnh... Mặc dù thời gian qua, đã mấy năm cụ không có mặt trong nước, nhưng các tổ chức của các môn đồ cụ vẫn còn nhiều và vẫn được chặt chẽ, nhất là hai tỉnh Bình Định, Phú Yên. Thế nên sau những cuộc hội họp, cụ lập tức ủy thác ông Lương, Thái Hòa, người làng Kim Bồng, phủ Điện Bàn (Quảng Nam), là đệ tử thân tín cũng một tay tổ chức rất giỏi, để liên lạc với các môn đồ các tỉnh miền Trung. Một mặt, cụ phái ông Thừa Phong (Nguyễn Đức Đạt), người làng Miếu Bông, huyện Hòa Vang (Quảng Nam), cũng một đồ đệ tâm phúc, hơn nữa, một ông bạn chí thân của cụ, để vào Nam kỳ quyên góp tiền bạc v.v...

Cố bành trướng lực lượng cách mệnh trong nước để kịp hưởng ứng với cuộc khởi nghĩa của quân cách mệnh hải ngoại theo ngày giờ đã hứa hẹn, không ngờ ba đội quân ấy bị thất bại, các tổ chức trong nước đành phải nằm êm.

Cuối năm 1915, tình thế Âu chiến càng quyết liệt, quân đội Đồng minh bại trận, quân Đức vượt qua sông Aisne ồ ạt toan tiến vào kinh thành Paris. Lúc bấy giờ các nhà cách mệnh ta dòm được thanh thế nước Pháp ngày một suy kém, ở nước ta lại diễn ra câu chuyện tuyển mộ thêm binh lính làm cho dân tình ta thán! Thừa cơ, các đảng bộ Việt Nam Quang Phục tức tốc triệu tập hội nghị toàn kỳ, để tru liệu thêm phương sách hoạt động.

Cuộc hội họp này tại nhà ông Đoàn Bổng, một viên thư lại bộ Hộ, ở đường Đông Ba (Huế), có

mặt các cụ Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Thành Tài, Đỗ Tự (Quảng Nam), Lê Ngung, Nguyễn Mậu, Lê Triết (Quảng Ngãi), Đoàn Bổng (Thừa Thiên), Phan Phù Tiên (Quảng Trị), Nguyễn Chính (Quảng Bình)... Thảo luận suốt mấy ngày trời, đến khoản chính thể, kẻ chủ trương quân chủ, người dân chủ, kết cuộc đều công nhận: phải căn cứ vào hoàn cảnh và trình độ quốc dân làm căn bản, thế là đồng thanh đưa ra khẩu hiệu: "Phụng Kim thượng vi an dân cơ sở" (rước vua Duy Tân tham gia vào công cuộc cách mệnh để yên lòng dân). Và phân phát công tác: các cụ Trần Cao Vân, Thái Phiên lo việc tiếp xúc vua Duy Tân. Nguyễn Thụy, Lê Đình Dương giao thiệp với cố đạo Bàn Gốc để mật giao với thiếu tá người Đức hiện đương chỉ huy quân đội Pháp đóng ở đồn Mang Cá (Huế). Lê Ngung thảo tờ hịch. Nguyễn Chính ủy viên củ soát, v. v... [6](#) .

Tiếp xúc vua Duy Tân

Tâm sự và ý chí vua Duy Tân, lúc ấy ai cũng đoán hiểu được, nhưng đến câu chuyện tiếp xúc với vua, thật một việc rất khó. Hai cụ Cao Vân, Thái Phiên phải bỏ ra một số tiền vận động cho tên tài xế của nhà vua thôi việc, đặng đưa Phạm Hữu Khánh vào thay.

Phạm Hữu Khánh là một đảng viên ưu tú, lại cũng một thanh niên có tài năng lỗi lạc, vào nhận việc tài xế chỉ trong thời gian đã dò hiểu được tâm ý nhà vua, và cũng đã làm cho nhà vua cảm mến. Một hôm, nhà vua đương đi lại trong nội với cử chỉ hiện ra vẻ bức tức, Phạm Hữu Khánh đến dâng cho nhà vua phong thư của cụ Cao Vân. Thư ấy kể qua tình trạng của nước của dân với những lời lẽ lâm ly cảm kích! Đại khái có câu:

"Tha Mỹ quốc hắc nô chủng tộc, ngũ thập niên du khả tự cường; hưởng ngô dân Hoàng đế tử tôn, nãm ngũ triệu khởi cam chung nhược!"

(Kìa nước Mỹ dòng giống rợ đen, năm mươi năm còn có thể tự cường; hưởng dân ta con cháu nhà vua, hai mươi lăm triệu nữ đành hèn yếu!)

Và câu:

"Thiên khai thánh minh hữu bài Pháp hưng binh chi chí. Địa sinh tuấn kiệt hữu truat dân thảo tặc chi quyền".

(Trời sinh vua thông minh sẵn có cái chí cử binh chống Pháp. Đất sinh người tài giỏi có quyền đuổi giặc thương dân).

Đến đoạn thống trách chính phủ Bảo hộ lại có câu:

"Phụ hoàng Hoàng đế hà tội kiến thiên? Dục Tôn [7](#) tôn lãng hà cố kiến quật?"

(Đức vua cha của ngài vì tội gì mà bị đày? Lãng tể vua Dục Tôn vì cố gì mà bị bói?)

Đọc xong thư ấy như lửa đốt tim não, như đao cắt ruột gan! Nhà vua tức tốc cho vời cụ Cao Vân và chỉ định nơi sẽ gặp [8](#) .

Vào khoảng đầu năm 1916, do sự liên lạc và hướng dẫn của viên đội thị vệ Nguyễn Quang Siêu (Đội Siêu) và tài xế Phạm Hữu Khánh, hai nhà cách mệnh Trần Cao Vân, Thái Phiên đã làm người câu cá, lên vào Hậu Hồ [9](#) , đúng theo giờ đã định, vua Duy Tân cũng vi hành đến đó. Hai nhà cách mệnh bày tỏ tình thế trong nước và ở hải ngoại... tâu rõ đầu đuôi công cuộc tổ chức chuẩn bị khởi nghĩa.... Nhà vua rất đồng ý, hứa sẽ ban mật dụ cho tiện việc thi hành, và khuyên các nhà cách mệnh nên hành động gấp gấp kéo trễ mất cơ hội...

Để kết luận câu chuyện gặp vua Duy Tân, để góp vào kho sử liệu một vài tài liệu về cuộc gặp gỡ này mà các nhà chép sử mỗi người chủ trì một thuyết, tham khảo kỹ lại theo "Di cảo" cụ Huỳnh Thúc Kháng, theo tài liệu của soạn giả Mãn Khánh, thì cuộc gặp gỡ lịch sử này tại hồ Tịnh Tâm, nhưng căn cứ theo lời án của triều đình thì lại chính ở Hậu Hồ, và Hậu Hồ mới chính là nơi đính ước của cuộc cách mệnh năm 1916.

-
- 1 Tài liệu trích ở tập "Phan Đình Phùng", trang 42.
 - 2 Tài liệu báo "Cải Tạo", trang 5, số 95, xuất bản 29-4-50, ở Hà Nội.
 - 3 Tài liệu Âu chiến trích ở báo "Tiến Hóa", trang 8, số 6, ngày 21-5-48, tại Huế.
 - 4 Tài liệu hội Quang Phục trích ở tập "Tự phán", di cảo của cụ Phan Sào Nam.
 - 5 Tài liệu trích báo "Tiến Hóa", trang 8-9, số 6, xuất bản ngày 21-5-48.
 - 6 Tài liệu trích ở tạp chí "Tiến Hóa", số 7, trương 6, xuất bản ở Huế, và tham khảo ở báo "Cải Tạo", trang 12, số 95, xuất bản tại Hà Nội.
 - 7 Dực Tôn là vua Tự Đức.
 - 8 Tài liệu tham khảo ở báo "Tiến Hóa", số 7, trương 7, xuất bản ở Huế, và "Cải Tạo" số 95, trương 12, xuất bản tại Hà Nội.
 - 9 Xem lời án của triều đình Huế, ở sau.

XII

CUỘC CÁCH MỆNH NĂM 1916

Năm 1916, dân tộc Việt Nam đã cùng Hoàng đế Duy Tân đứng lên chống lại chính sách Bảo hộ bằng phương sách cách mệnh bạo động, một cuộc cách mệnh toàn diện không riêng cho một giai cấp nào, từ vua, quan đến các giới thân hào, thân sĩ, các cấp tư sản, quân nhân, nông dân... đều triệt để tham gia. Cuộc cách mệnh ấy tượng trưng cho tinh thần của một dân tộc thích tự do, muốn độc lập!

Các phương sách tăng cường hoạt động để thực hiện cuộc cách mệnh ấy, sau ngày gặp vua Duy Tân, các cụ Cao Vân, Thái Phiên, Tú Ngung, Cử Sự thương lượng triệu tập các yếu nhân toàn kỳ khai hội tại nhà một đồng chí ở chợ Cầu Cháy, làng Xuân Yên, tỉnh Quảng Ngãi, để đem ý kiến vua Duy Tân ra thảo luận, để trừ liệu kế hoạch phát triển đảng lực, tích cực chuẩn bị khởi nghĩa.

Buổi họp suốt ngày đêm, sau những cuộc thảo luận ráo riết, toàn thể đồng ý đưa ra quyết nghị. Đại khái về nội bộ:

a) Cử soát và chỉnh đốn thêm chặt chẽ các tổ chức trong các tầng lớp dân chúng từ mỗi địa phương, các tổ chức trong các cấp lính Nam triều, Bảo hộ, nhất là đội lính mộ sắp đưa sang Pháp tòng chinh, trông cậy vào lực lượng binh sĩ ấy sẽ quay súng lại làm chủ lực tiền phong cho quân cách mệnh.

b) Tổ chức sẵn sàng bộ máy hành chính cai trị trong bóng tối, chờ sẽ thay thế vào các cấp quan lại Nam triều, Bảo hộ, trong lúc chính quyền về tay cách mệnh.

c) Huy động cả sức người và tiền của để sung vào công cuộc chế tạo vũ khí, mua sắm quân nhu, quân phục, và tạm đúc bốn cái ấn kinh lược: 1 - Bình Trị, 2 - Nam Ngãi, 3 - Bình Phú, 4 - Khánh Thuận 1, để dùng vào các giấy tờ chỉ thị.

Về ngoại giao: phái người sang Xiêm vận động với viên sứ thần Đức cầu nhờ sự viện trợ vũ khí...

o o o

Hoạt động trong thời gian ngắn, lực lượng đã bành trướng hầu khắp các tỉnh Trung kỳ, nhất là Quảng Nam, Quảng Ngãi thì kiện toàn hơn cả.

Sở dĩ thu được kết quả mau chóng như thế, một phần nhờ thời cuộc Âu châu lúc bấy giờ không một ai không nhận biết; một phần nhờ sự nhiệt liệt tham gia cách mệnh của vua Duy Tân,

nhà vua bí mật ban hành chiếu chỉ, và các giấy tờ tổ chức cũng được nhà vua chấp thuận đóng ấn "Văn lý mật sát", nhờ thế mà lòng dân càng tin tưởng hăng hái sôi nổi; các phần tử dư đảng Cần vương, Văn thân, các giới tư sản phú hào đến một phần trong hàng quan lại cũng triệt để ủng hộ cách mệnh.

Quyết định ngày khởi nghĩa

Vì sự giục thúc của vua Duy Tân, - nhà vua đã quyết định đêm mùng một tháng Tư năm Bính Thìn (ngày 3-5-1916) khởi nghĩa - vì sự giục thúc của anh em lính mộ - một đội lính chịu ảnh hưởng cách mệnh và được tổ chức chặt chẽ hơn hết; đội lính ấy ước hơn nghìn người, lúc bấy giờ đương tập trung tại thành Huế và gần đến ngày xuống tàu sang Pháp - vì những lẽ ấy mà đại hội toàn kỳ buộc phải tức tốc khai hội lần thứ hai tại kinh đô Phú Xuân (Huế), vào khoảng trung tuần tháng Ba năm Bính Thìn, để kiểm điểm lại lực lượng và ban hành kế hoạch khởi nghĩa. Mặc dù trước ngày họp ấy, tại nhà ông Lâm Nhĩ, làng La Châu, huyện Hòa Vang (Quảng Nam), có mặt các cụ Thái Phiên, Phan Thành Tài... cụ Cao Văn đã tỏ ý còn chần chờ chưa muốn khởi nghĩa gấp 2, nhưng hôm nay trước đại hội, cụ cũng như các chiến sĩ khác là những người đã dâng mình cho non sông, thì ngày nay non sông đã thiết tha kêu gọi; trên mệnh vua hối giục khởi nghĩa! dưới lòng dân cũng giục thúc khởi nghĩa! như thế còn đợi gì? Ngày khởi nghĩa, đại hội đã tán thành theo đề nghị của vua Duy Tân, đại hội chỉ thông qua tình hình chung theo lời báo cáo của các cấp bộ toàn kỳ:

- Xét về thực lực tổng quát cũng tạm đủ.
- Xét về thực lực đơn vị thì Quảng Nam, Quảng Ngãi, đảng lực mạnh mẽ kiên cố hơn hết, nên lấy hai tỉnh ấy làm chủ lực trung kiên của cuộc cách mệnh.
- Thừa Thiên có một đội lính mộ là một lực lượng xung phong, các đội lính khổ vàng, khổ xanh sẽ hưởng ứng, ngoài có đội lính Bảo hộ ở đồn Mang Cá nhờ có viên thiếu tá chỉ huy người Đức sẽ điều động âm trợ.
- Quảng Trị có đội lính khổ xanh do Quản Thiệu suất lãnh. Các tổ chức dân chúng do ông Khóa Bảo điều động.
- Bình Định thì thực lực trong hàng ngũ binh sĩ và dân chúng chưa được mạnh mẽ, sẽ chờ hưởng ứng với Quảng Ngãi.

Kế hoạch khởi nghĩa

1) Tổng phát động khởi nghĩa toàn diện, đúng giờ Tí ngày mùng hai tháng Tư năm Bính Thìn, khởi điểm tại kinh đô Huế, sẽ bắn súng thần công báo hiệu lệnh cho hai tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, đồng thời ở đèo Hải Vân cũng nổi lửa để báo hiệu cho hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi.

2) Huy động các đạo dân quân Thừa Thiên hưởng ứng trợ oai với các đội binh sĩ chiếm lấy kinh đô Huế.

3) Thu cả toàn lực Quảng Nam, Quảng Ngãi, dân quân hợp lực với binh sĩ chiếm giữ cửa bể Đà Nẵng để mở đường giao thông với Đức. Ngoài ra các tỉnh khác cũng theo kế hoạch bạo động cướp chính quyền như thế...

4) Vạn nhất tấn công không thắng lợi, thì đạo quân Quảng Nam rút về phía tây chiếm vùng rừng núi Bà Nà, đạo quân Quảng Ngãi kéo lên miền Gió Rút, là những địa thế hiểm trở để làm hậu thuẫn cho những cuộc phản công 3.

5) Do sự ủy nhiệm của Việt Nam quân chính phủ 4, các yếu nhân cách mệnh mỗi người đều có công tác phụ trách điều khiển mỗi tỉnh, hai cụ Cao Văn, Thái Phiên điều động chiếm thủ kinh đô và phụ trách rước vua Duy Tân ra khỏi hoàng thành, chờ cuộc hỗn loạn binh định và chính

quyền vẫn hồi sẽ tôn nhà vua trở lại ngôi.

Kế hoạch đã quyết định và phân phối hoàn bị, chỉ còn chờ ngày thi hành...

Cơ mưu bại lộ

Khởi đoan từ tỉnh Quảng Ngãi, viên cai lính khố xanh Võ An, người làng Long Phụng, phủ Tư Nghĩa, hiện ngụ làng Năng An, là một đảng viên được tổ chức trong hàng ngũ cách mệnh. Vào hạ tuần tháng Ba năm Bính Thìn có lệnh quan trên đổi Võ An đi nơi khác; trước giờ cáo biệt, Võ An đến từ giả em là Võ Huệ ⁵, ở ngạch lính giản và hiện đương phục vụ tại dinh án sát. Trước giờ chia tay, Huệ bày bữa rượu tiễn anh lên đường, trong lúc chè chén hào hứng, Võ An không giấu được nỗi băn khoăn của mình về việc đảng, vì tình ruột thịt đối với em, An tỏ bày đại khái cho Huệ nghe, và dặn Huệ đến ngày biến động ấy nên xin phép về nhà nghỉ.

Vâng lời anh, ngày 30 tháng Ba (năm Bính Thìn), lúc hai giờ chiều, Võ Huệ vào xin phép viên án sát về thăm nhà.

Án sát Phạm Liệu nhân đã có nghe phong phanh việc hoạt động cách mệnh nhưng chưa tìm ra manh mối, nay tình cờ Võ Huệ lại xin về nhà một cách bất ngờ, án sát Phạm sinh nghi, vặn hỏi này kia. Trước uy quyền của một cụ án sát thời ấy, lính Võ Huệ trả lời luống cuống, án sát càng vặn hỏi, dùng đến lời lẽ hăm dọa, bí nước, Võ Huệ phải khai ra một cách úp mở, thế là án sát ra lệnh giữ Võ Huệ lại, chờ công sứ De Tastes và tuần vũ Trần Tiến Hối đi kinh lý ở phủ Bình Sơn về sẽ đem việc ấy báo bẩm.

Câu chuyện Võ Huệ đến tai công sứ De Tastes và tuần vũ Trần Tiến Hối, tức thì Võ An bị bắt về, tấn tuồng tra khảo diễn ra. An chịu không nổi, phải khai đến Trần Thiểm, người làng An Điem, phủ Bình Sơn (Quảng Ngãi), đương giúp việc tại tòa sứ, là một đảng viên trọng yếu, vì thế mà cơ mưu bí mật của đảng bị bại lộ!

Biết được cơ mưu của đảng cách mệnh, tức tốc chiều hôm ấy công sứ Quảng Ngãi đánh mật điện cho viên khâm sứ Trung kỳ tại Huế; khâm sứ nhận được tin điện ấy, lập tức mật báo cho các công sứ các tỉnh nỗ lực canh phòng ráo riết, một mặt ra lệnh giới nghiêm, và sáu giờ chiều hôm ấy tất cả các đồn, các trại lính đồng thời có lệnh thu súng đạn cất vào kho, các cửa đồn đóng chặt, các cơ lính người Nam bị giữ lại trong thành, ngoài các thành phố chỉ có các đội lính Tây tuần tiểu; tuy nhiên tòa khâm vẫn kín nhiệm không cho Nam triều hay biết chi cả.

Đến mùng một rạng mùng hai tháng Tư năm Bính Thìn (ngày 3.5.1916) - năm Duy Tân thứ 10 - cái đêm dân tộc Việt Nam vươn mình đứng lên tranh đấu lấy tự do, cái đêm lịch sử ấy đã ghi sâu vào gia phả nhà Nguyễn cũng như tâm hồn người dân Việt với bao kỷ niệm sâu xa!

Đêm hôm ấy, kinh thành Phú Xuân (Huế) cũng như các tỉnh thành Hội An, Đà Nẵng (Quảng Nam), Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình đều hiện ra quang cảnh có vẻ khác với ngày thường, làm cho các tay thủ lãnh cách mệnh sinh lòng hoài nghi, nhưng tuyệt nhiên vẫn chưa hay biết gì về việc cơ mưu đã bại lộ, nên cứ theo mật lệnh thi hành: khắp các nơi từ mỗi đơn vị phủ, huyện, các đoàn dân quân kéo nhau đến tập trung sẵn sàng ở các địa điểm đã chỉ định chờ nghe hiệu lệnh.

Hôm ấy, vào khoảng mười một giờ đêm, vua Duy Tân cải trang theo lối thường dân, do hai ông Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu hộ vệ ra khỏi hoàng thành, đến bến Thương Bạc sẵn có thuyền hai cụ Trần Cao Vân, Thái Phiên đón rước.

Nhà vua vừa đến Thương Bạc chưa kịp xuống thuyền thì đã gặp Phán Trứ (Trần Quang Trứ), là người hiện đương tòng sự tại tòa công sứ Thừa Thiên và cũng là người được đảng cách mệnh ủy thác công việc tuyên truyền cơ lính Bảo hộ.

Sau khi gặp nhà vua, không hiểu vì lòng gian hoạt mưu phản của Trứ để lập chút công danh, hay Trứ đã dò nghe được manh mối từ tòa sứ về công việc đảng bị bại lộ, sợ lụy đến mình nên lật

đặt xuống đồ qua sông, thẳng sang tòa khâm phi báo...?

Đêm hôm ấy, khắp các đồn trại, anh em binh lính ngồi đứng không yên, nhất là đội lính mộ ở đồn Thừa Thiên càng nôn nao bức tức! Kẻ chủ trương phá đồn, người toan leo thành ra ngoài, nhưng làm gì được! Cửa thành đã bị đóng chặt, khí giới đã bị tước sạch, lại với bao sự đề phòng cẩn thận đường ấy, dẫu có tài trí như Gia Cát Khổng Minh cũng đành phải bó tay. Thế nên đến một giờ khuya (rạng ngày mồng hai), chính cái giờ phát hiệu lệnh xuất quân, còn ai đâu để huy động chiếm lấy kinh đô! còn đâu để bắn súng báo hiệu cho Quảng Trị, Quảng Bình! Không nghe súng lệnh, làm sao đốt lửa ở đèo Hải Vân để báo hiệu cho Quảng Nam, Quảng Ngãi!

Không được lệnh báo hiệu của kinh đô, các tỉnh đành phải nằm êm, và các đoàn dân quân tụ tập ở các phủ, huyện, chờ đợi đến gần sáng rồi lần lần cũng phải tự giải tán! Duy có một vài địa phương, lòng dân quá sôi nổi, vì bọn quan lại, tổng lý tham nhũng làm nên những điều tình tệ bất công làm cho lòng dân oán ghét, như phủ Tam Kỳ (Quảng Nam), đêm hôm ấy dân chúng huy động kéo nhau đến vây đồn đại lý và phủ, bắt Tri phủ Tạ Thúc Xuyền trói lại, và một vài phủ, huyện ở Quảng Ngãi cũng có những hành vi bạo động như thế; nhưng đến sáng ngày mồng hai (ngày 4-5-1916), các đội lính Lê dương súng đạn tề chỉnh, rầm rộ kéo lên khùng bố các làng, tức thì các nơi tụ họp ấy rồi cũng phải rút lui...!

° ° °

Bên tòa khâm tuy hay biết trước được hành động của đảng cách mệnh, nhưng không ngờ đến câu chuyện tày trời, đêm hôm ấy Hoàng đế Duy Tân bỏ ngai vàng ra khỏi hoàng thành cùng tham gia điều động khởi nghĩa, chừng nghe Phán Trứ báo rõ đầu đuôi, hoảng hốt! Đồng lý văn phòng Le Fol cùng võ quan thẳng sang thành nội, quả thật hoàng cung bỏ trống, lật đặt truyền báo Cơ mật và Lục bộ hay, thì tất cả triều đình đều kinh ngạc, ngơ ngẩn nhìn nhau như giấc chiêm bao! Tức thì tòa khâm hiệp lực cùng với Nam triều cho người mang quân đuổi theo tầm nã tướng lĩnh cách mệnh Trần Cao Vân, Thái Phiên và tìm vua đem về.

Các đội lính Nam triều, Bảo hộ chia nhau rộng tìm khắp chỗ, nhưng chẳng tìm ra tăm tích nhà vua đi về ngả nào, chỉ nhặt được chiếc ấn phong lại bỏ ở đầu cầu Trường Tiền, mãi đến một vài ngày sau mới dò nghe được tông tích nhà vua còn đương ở tại một ngôi chùa trên núi phía nam kinh đô.

Được tin báo đích xác, tòa khâm cùng Nam triều lập tức phải người đến vây chặt ngôi chùa ấy, quả thật nhà vua còn lưu trú tại chùa cùng với người tùy tùng Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu, cả hai nhà cách mệnh Trần Cao Vân, Thái Phiên.

Sở dĩ nhà vua phải đi về phía Nam, vì tối hôm ấy hai cụ Cao Vân, Thái Phiên rảo qua kinh thành Huế, thành phố thiết quân luật, không một người lính Nam qua lại như những đêm khác; hai cụ tự biết việc lớn không xong. Đến lúc rước vua xuống thuyền lại gặp Phán Trứ; hai cụ sinh nghi công việc rước vua bại lộ, nên cùng bàn kế gói ấn bỏ lại để đánh lừa quân lính đuổi theo, và tức tốc đưa nhà vua thẳng xuống làng Hà Trung, ghé trọ tại nhà một đảng viên để chờ đến giờ phát lệnh. Nhưng mãi đến ba giờ đêm vẫn lặng êm không nghe hiệu lệnh gì cả, thế là việc lớn không thành! Tiếp đến tin liên lạc báo về tình hình ở kinh đô... hai cụ Cao Vân, Thái Phiên nhìn nhau thở dài như trượt bao nỏ cắm hờn phần uất, nhưng trước mặt nhà vua vẫn điềm tĩnh, trù tính đưa nhà vua theo đường núi cao, đi tắt vào địa điểm đã dự định ở hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi để tùy cơ sử dụng, hoặc đưa nhà vua ra nước ngoài.

Trù tính xong, hai cụ Cao Vân, Thái Phiên lật đặt đưa nhà vua ra khỏi làng Hà Trung, theo đường mòn rừng núi nhắm về phía Nam thẳng tiến. Đường đi quanh co, trước mặt hiện ra bao lớp gò ghề chơm chớm, phần thì suốt ngày đêm không ngơi nghỉ được, nhà vua tuy đương sức thanh niên tráng kiện, cũng phải mệt nhọc, nên tạm lưu lại chùa bên núi Ngũ Phong để nghỉ chân

Vua tôi ra đi như một đoàn lữ khách, hành trang không có gì đáng nghi, nhưng cũng không

thoát được lưới rập mật thám đã giăng bủa!

Quả thật, sáng ngày hôm sau, vua tôi sửa soạn hành lý lên đường, thì trông ngoài vườn chùa đã thấy lính tráng vây nghệt!

Viên đồng lý văn phòng tòa khâm cùng triều thần văn võ kéo nhau vào chùa, trước cảnh nghiêm trọng ấy, nhà vua vẫn thản nhiên hỏi đáp như lúc ở triều.

Triều thần gặp nhà vua vừa mừng vừa tủi, vì trông thấy vua trong cảnh phong trần vất vả, cảm động rơi nước mắt năn nỉ mời vua trở về, nhưng đáng anh quân anh hùng ấy vẫn một mực khẳng khái, thà bị bắt, quyết không chịu nghe theo những lời ủy mị hèn nhát ấy, nhất định không về! Kết cuộc lý lẽ không thắng được sức mạnh, nhà vua bị điệu về cầm giữ ở đồn Mang Cá, các cụ Trần Cao Vân, Thái Phiên, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu đưa về Huế tổng giam!

Để kết luận cuộc cách mệnh năm 1916, và cũng để chứng thực cho từ những cuộc gặp gỡ đến những hành động giữa vua Duy Tân cùng các nhà cách mệnh, xin trích một vài khoản trong bản án của triều đình Huế kết tội vua Duy Tân, có câu:

"Vọng thính sàm ngôn, khuynh nguy xã tắc".

(Nghe theo lời dùa nịnh, làm cho xã tắc khuynh nguy).

Và các nhà cách mệnh phải cái tội giục vua xúi dân gây nên cuộc chính biến ấy, lời án có câu:

"Thủy nhi Hậu Hồ thủy điều, thiện tả chiểu văn, nhi Thương Bạc đình thuyền, yêu nghinh Thánh giá. Hà Trung mạch phạn ¹, Ngũ Phong kê thang, thánh thể phong trần dai bỉ bối vi chi tội nghiệt!"

(Ban đầu buông câu ở Hậu Hồ, chuyên quyền tả lời chiểu, kể đến đậu thuyền bến Thương Bạc, đón rước nhà vua. Thết vua cơm tẻ làng Hà Trung, cháo gà núi Ngũ Phong, mình rồng phải chịu giải dầu gió bụi, tội nghiệt ấy đều bởi bọn kia gây ra).

¹ Bình Trị tức Quảng Bình, Quảng Trị; Nam Ngãi tức Quảng Nam, Quảng Ngãi; Bình Phú tức Bình Định, Phú Yên; Khánh Thuận tức Khánh Hòa, Bình Thuận. (Tham khảo tài liệu ở báo "Cải Tạo", số 95, trương 12, xuất bản tại Hà Nội).

² Ý kiến chần chờ của cụ Cao Vân, theo lời thuật lại của một thân sĩ có tham dự vào cuộc cách mệnh 1916 ấy, thì hôm tại nhà ông Lâm Nhĩ, các cụ bày ra việc bói quẻ, sau lúc bói xong, cụ Cao Vân tỏ ý muốn trì hoãn công cuộc khởi nghĩa lại... Căn cứ vào một bài thi tám câu của cụ Cao Vân, đầu đề vịnh "Tàu hỏa chạy từ Đà Nẵng-Huế", để gửi cho các đồng chí, hẹn ngày khởi nghĩa. Bài thi:

Một mối xa thư đã biết chưa?

Bắc nam hai ngả gặp nhau vừa.

Đường rày đã sẵn thang mây bước.

Ông khói càng cao ngọn gió đưa.

Sấm dậy tư bề trăm máy chuyển.

Phút thâu muốn dậm một giờ trưa.

Trời sai ra dọn xong từ đây.

Một mối xa thư đã biết chưa?

Bài thi này ông tú Phan Khôi đăng ở "Chương dân thi thoại". Ông Phan chưa nghĩa: đại khái người ta bảo "một giờ trưa" là cụ Cao Vân muốn chờ đến hội ngộ mới khởi nghĩa.

³ Tham khảo tài liệu báo "Cải Tạo", số 95, trương 12, xuất bản tại Hà Nội.

⁴ Việt Nam quân chính phủ, trích ở tạp chí "Tiến Hóa" số 7, trương 15, xuất bản tại Huế.

5 Đoạn này theo tài liệu của Ngân Lang, báo "Cải Tạo" số 96, trang 6, chép : "Võ Cự bảo em ruột là Trung, và Cự khai cho Trần Thiễm".

6 Xem lời án triều đình Huế, ở sau.

7 Mạch phạn ở đây dịch là cơm tẻ hay cơm bắp (ngô), tưởng cũng không đúng, vì căn cứ vào thực tế thì năm 1916, lúc khởi nghĩa không phải thời tao loạn, hơn nữa vua ra khỏi hoàng thành mới một vài ngày, dân gian thiếu gì quý phẩm để cung hiến cho vua, đến phải thết vua bằng cơm bắp? Như thế không lắm thì hai chữ mạch phạn ở đây xuất sinh từ trong sử Tàu thời Đông Hán, lúc vua Quang Vũ cử binh đánh Vương Mãng, bị quân Vương Mãng đuổi chạy đến sông Hổ Đà; trước tình cảnh bại binh, lương thảo hết sạch, vua Quang Vũ nhờ có dân gian dâng cơm bắp đỡ lòng... vì thế mới có bốn chữ: "Hổ đà mạch phạn", nên triều đình Huế lúc bấy giờ mượn hai chữ mạch phạn ấy để tả nỗi gian khổ của nhà vua...?

XIII

KẾT LIỆU ĐỜI ANH HÙNG

Kết luận đời hành động của đấng anh hùng không cứ ở việc làm thành công hay thất bại, mà chính ở chí tự cường, lòng vị tha hy sinh cả đời mình để phụng sự tổ quốc dân tộc cũng như để bảo vệ công lý chính nghĩa. Dù gặp phải thiên nguy vạn khổ vẫn một lòng tiết tháo, nếu không đạt được chí nguyện thì cũng chỉ có cái chết mới thôi!

Chính thế, cuộc cách mệnh năm 1916 thất bại, Hoàng đế Duy Tân bị cầm ở đồn Mang Cá chờ xuống tàu vào Ô Cáp để đưa sang đày ở đảo Réunion, tận bên Phi châu. Các nhà cách mệnh Trần Cao Vân, Thái Phiên... bị hạ ngục, đồng thời các tỉnh cũng xảy ra một tình trạng thảm khốc như thế!

Ở Quảng Ngãi vì sự đổ bể của Võ An, rất nhiều người bị khốn khổ! Hai cụ Tú Ngung, Cử Suy cùng một số đồng chí rất đông bị bắt, bị tử hình, bị tịch thu gia sản, và gần hai trăm người bị án khổ sai đày Côn Lôn, Lao Bảo. Hai cụ Tú Ngung, Cử Suy tuy đã tự sát bằng thuốc độc ngay ở khám đường, nhưng cụ Tú Lê Ngung cũng không thoát khỏi được cái án "lục thi trăm niêu", nghĩa là chết rồi cũng vẫn đem thi hài ra chém, lấy đầu bêu lên ở làng Cam Lộ (Quảng Ngãi).

Ở Quảng Nam, một phần vì sự tố giác của tuần vũ Đình 1 nên nhà chức trách khám phá được rất nhiều tài liệu: nào giấy tờ tổ chức chính phủ, nào các thức quân nhu, đến các thức quân phục toàn bằng vải rèn chôn ở các bãi cát, bắt được xã Mãi, người làng Phước Kiều, phủ Điện Bàn (Quảng Nam), là người đúc bốn ấn kinh lược, và khách Kim, một Hoa kiều ngụ ở phủ Tam Kỳ cho dân mượn súng, vắn vắn...

Thế nên ở Quảng Nam cũng rất nhiều người liên lụy, cụ Phan Thành Tài và một số bị tử hình, còn thì lớp đày Lao Bảo, lớp đày Thái Nguyên, và lớp đày trở ra Côn Lôn.

Trong những nhân sĩ bị đày, có những tay cách mệnh cừ khôi, như y sĩ Lê Đình Dương, một tay tân học khảng khái; lý trưởng Lê Cơ, một tay thật hành tranh đấu có tiếng ở Quảng Nam; tú tài Trương Bá Huy, Đỗ Tự, những nhân sĩ đã từng bị tù, bị đày. Trần Chương, một người gan mật đây mình, trước kia cũng đã bị bắt, bị tra tấn cực hình, nhưng vẫn ngang nhiên không thềm khai một lời, giả cam ba năm không nói chờ đến ngày trắng án; lần này cũng bị đày và chết tại ngục Lao Bảo!

Đến những đệ tử tâm phúc của cụ Cao Vân cũng là những người khí tiết, như ông Thừa Phong (Nguyễn Đức Đạt) sau lúc bị bắt, đã tự uống thuốc độc chết ở nhà lao Quảng Nam, ông Lương Thái Hòa tẩu thoát được, chạy vào Nam kỳ mượn lốt thầy chùa trụ trì chùa Cổ Linh, làng Bình Thắng, tỉnh Gia Định (Nam Việt) và vắn vắn...

Ở Quảng Trị, ông Khóa Bảo cũng bị tra tấn khổ sở, ngoài ra, các tỉnh vì hưởng ứng chậm

nên không thiệt hại gì mấy.

° ° °

Cụ Cao Vân bị bắt điệu về giam ở ngục Thừa Thiên, cụ tự biết đời mình đến đây là kết liễu!

Người chí sĩ xem việc chết sống nhẹ như lông chim hồng, trọng danh tiết nặng như núi Thái. Huống nữa, cụ Cao Vân lại là một nhà tinh thông dịch học, trước công lệ sinh sinh diệt diệt của muôn sự muôn vật trên cõi đời này thì, với lẽ tồn vong ấy, cụ lại càng xem thường! Tuy nhiên, từ ngày bị bắt đến ngày ra pháp trường, mười mấy ngày trời cụ luôn luôn tỏ ra cùng các đồng chí trong ngục những nỗi ưu tư thống thiết của cụ lo cho Hoàng đế Duy Tân phải thiệt hại đến mình rỗng. Cụ cố tìm cách để cứu vua và che chở một phần nào cho các môn đồ đồng chí! Cụ nghĩ mãi, lúc bấy giờ chỉ có Hồ Đắc Trung, đương chức Thượng thư bộ Học kiêm Cơ Mật đại thần, là người có uy thế trong triều đình và đương phụ trách việc thảo án, lại cũng là người quen biết có cảm tình với cụ, cụ hằng viết thư trần tình với Hồ thượng thư, nhận lãnh công việc bạo động xảy ra đều do cụ và Thái Phiên suất sử. Cuối thư, cụ thiết tha khẩn khoản họ Hồ tìm cách cứu vua, có câu:

"Trung là ai? Nghĩa là ai? Càn đai vớng lọng là ai? Thà để cô thân tử biệt!

Trời còn đó! Đất còn đó! Xã tắc sơn hà còn đó! Mong cho Thánh thượng sinh toàn!"

Thư ấy viết trong cuộn giấy hút thuốc, cho người bí mật đưa đến tận tay họ Hồ.

Đến hôm ra khai, hai cụ Cao Vân, Thái Phiên khẳng khái tự nhận: cụ Cao Vân chức chánh quân sự, cụ Thái Phiên chức phó quân sự, chính công việc bạo động ấy do hai ông thủ xướng, thế nên lời án của triều đình đều đổ tội cho các nhà cách mệnh để che chở cho Hoàng đế Duy Tân.

° ° °

Mùa hè năm Bính Thìn, cả non sông nước Việt đều nuốt thắm đeo sầu tiễn chân Hoàng đế Duy Tân đi đày ở châu Phi! Rồi một ngày nữa, non sông ấy lại cùng với bao tiếng rên rỉ thê lương của muôn lượng ba đào từ khơi bể Nam Hải hướng về phía làng An Hòa để gào khóc, để tán dương người chí sĩ đã vì tổ quốc dân tộc phải hy sinh, tiếp tục theo các đấng tiên liệt anh hùng, ghi thêm một trang sử hùng cường của một dân tộc thích tự do, yêu hòa bình, muốn độc lập!

Nhà chí sĩ Trần Cao Vân đã làm tròn nghĩa vụ của người trai nước Việt, đã nêu cao tinh thần cách mệnh tranh đấu không ngừng, từ năm hai mươi tuổi từ biệt gia hương, hai mươi bảy tuổi đặt chân trên đường tranh đấu, ba mươi ba tuổi vào ngục Phú Yên, ba mươi lăm tuổi vào ngục Bình Định và Quảng Nam, bốn mươi ba tuổi vào ngục Côn Lôn, đến năm năm mươi một tuổi, năm Bính Thìn, ngày 16 tháng Tư, cái ngày kết liễu đời anh hùng tại làng An Hòa (cách kinh đô Huế một vài cây số), nhà chí sĩ Trần Cao Vân đã cùng ba đồng chí Thái Phiên, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu, lên đoạn đầu đài để đền nợ non sông!

[1](#) Tài liệu tham khảo báo "Cải Tạo", số 96, trang 6, xuất bản ở Hà Nội.

XIV

PHỤ LỤC CỤ BÀ TRẦN CAO VÂN

Người đàn bà Việt Nam gương mẫu

Đọc qua tiểu sử cụ Trần Cao Vân, bạn đọc thấy bùi ngùi cảm mến đời chí sĩ, thì bạn đọc càng nên biết đến tiểu sử của một người gái Việt là một nội tướng đặc lực, một đồng chí chân thành giúp đỡ họ Trần hoàn thành cái sứ mệnh của người trai nước Nam.

Người gái Việt ấy chính là cụ bà Cao Vân, mà soạn giả mạn phép gọi là người đàn bà Việt Nam gương mẫu.

Cụ bà Cao Vân tức Võ thị Quyền (cô Ba Bàn), đã chép ở trước. Cụ bà sinh năm Mậu Thìn (1868), trong một gia đình hào phú, lại mỗi mình cụ là gái nên thân mẫu cụ quý lắm, không mấy khi cho ra khỏi nhà, vì thế nên cụ bà không được học tập.

Năm cụ bà được hai mươi ba tuổi, tuổi tuy đã lớn, nhưng mỗi lần có người bàn đến việc hôn nhân thì đều bị thân mẫu cụ bà cự tuyệt. Huống nữa, việc hôn nhân ấy với cụ Cao Vân, một thư sinh chán thi bỏ học, thân mẫu cụ bà càng không đẹp lòng. Tuy thế, nhờ có ông Thừa Tô ngày đêm năn nỉ ép uống, kết cuộc thân mẫu cụ bà phải bằng lòng cho cụ bà kết hôn cùng cụ Cao Vân để rồi cụ bà được làm một người đàn bà gian lao trong lịch sử gái Việt!

Hai năm tuổi đầu, cụ bà Cao Vân cũng như tất cả những người gái quê thuần phác, nào có biết việc nước việc non là gì! Mà chính cụ Cao Vân cũng không mấy khi bàn đến việc ấy. Đến lúc cụ Cao Vân quyết định vào Bình Định thì cụ bà cũng vui vẻ ra đi, không vì những nỗi xa nhà xa quê mà sụt sùi bần bịu để làm trở ngại ý định của chồng.

Mang traps theo chồng, người gái quê với một tâm hồn hạo nhiên cho đó là chức vụ của mình, của người đàn bà, của bà nội tướng, của bà mẹ tương lai phải gánh vác gia đình giúp chồng dạy con.

Vào Bình Định được mấy năm, công việc sinh hoạt cụ bà trông thấy cụ Cao Vân không lưu tâm mấy, trái lại, công việc giao du đi lại cụ Cao Vân lại chuyên cần hơn; từ đấy cụ bà bắt đầu để ý và dò theo từ mỗi hành động, chừng tìm hiểu được ý chí của chồng, cụ bà lại giả vờ không hay biết chi cả để chồng mình được tự do.

Đến lúc vào Phú Yên, vụ bạo động Võ Trứ thất bại, cụ bà phải theo phò tá cụ Cao Vân lên trốn ở động Bà Thiên, từ đấy cụ bà chẳng những là bà nội tướng đảm đang, mà lại trở nên một đồng chí chân thành theo dõi bên cạnh giúp đỡ cụ Cao Vân trải bao gian lao khổ nhố! Mỗi lần cụ Cao Vân bị bắt, cụ bà cũng bị bắt, cụ Cao Vân bị tra tấn, cụ bà bị đánh khảo, cụ Cao Vân bị tù đầy, cụ bà cũng bị giam cầm; lần nào cụ bà được may mắn ở ngoài nhà lao thì cụ bà lo buồn tần bán tảo để săn sóc cụ Cao Vân và nuôi nấng các con. Đến lần cuối cùng, người chí sĩ Trần Cao Vân đến trước pháp trường để vĩnh biệt non sông, cụ bà tuy không án tiết, cũng bị bắt bớ, gia sản bị tịch thu!

Trước cảnh ly tán đoạn trường, chồng tử tiết, nhà cửa tiêu tan, một đoàn con dại chít chieu, bà con họ hàng không dám nhìn nhận, biết nương tựa vào đâu! Phần thì hai cậu con trai một cậu vừa nên tám, một cậu tuổi mới mười hai, nay phải đem giấu nơi này, mai gửi trốn nơi khác, bao nhiêu nỗi đau thương khủng khiếp đồng thời đưa đến để thử thách can trường người gái Việt, thì cụ bà Cao Vân vẫn vững chí bền gan chống cự với phong ba, mãi cho đến một thời gian công cuộc bắt bớ tầm nã nguội lạnh lùng, mới lần hồi vào Bình Định là nơi cụ bà quen thuộc nhiều, lại môn đồ cụ Cao Vân cũng đông, để nương tựa vào những người thân ấy tìm kế sinh nhai nuôi nấng các con.

Chuyến này đi không phải như chuyến đi hồi hai năm tuổi, nó chỉ có mục đích tối thiểu mong làm sao được yên ổn để dìu dắt các con đến tuổi trưởng thành; để đáp tạ tình thiết tha âu yếm của ai kia chốn cửu tuyền vì tổ quốc dân tộc phải đoạn tuyệt cả tình thân, để làm tròn nghĩa vụ của bà mẹ tương lai đối với các con cũng như đối với bốn phận.

Ở Bình Định được ba năm, công cuộc sinh sống của cụ bà cùng các con mới vừa tạm yên thì, đột nhiên vào khoảng tháng Hai năm 1920, lại xảy ra vụ treo cờ giữa quảng đường huyện Phù Mỹ, Phù Cát (Bình Định), trên lá cờ ấy lại có ký tên Trần Cao Phong, thế là nhà cầm quyền địa phương gán ngay cái tên Trần Cao Phong ấy là con trai cụ Trần Cao Vân, tức thì ra lệnh đến bắt cả gia quyến cụ bà tổng giam.

Khốn nạn thay, cho đời chí sĩ đã chết mất rồi còn lại nắm xương tàn cũng chưa chắc đã được yên, vợ con thân thuộc về sau mãi còn phải lao đao lận đận! Sự thật thì vụ treo cờ đến những vụ gì nữa, cụ bà chẳng những không hiểu biết chi cả, trái lại, cũng không bao giờ dám nghĩ đến, bởi tình cảnh cụ bà ngày nay khác nào chim đỗ quỳên lạc bạn, dất đàn con thui thủi trong những đêm trường, chỉ mong sao được yên thân!

Vụ bắt bớ này ở Bình Định, cụ bà cùng người con gái thứ ba bị bắt, người trai cả trốn thoát được về Quảng Nam, bị người làng tố giác cũng bị bắt nốt!

Cụ bà bị giam ở nhà lao Bình Định một năm trời, không án tiết gì, lúc được thả ra đồng thời có lệnh cấm không cho cụ bà ở Bình Định, phải giao về Quảng Nam, bắt thân nhân xuống nhận lãnh. Từ đây cụ bà mới trở về quê hương chồng (làng Tư Phủ), cất một túp nhà tranh nhỏ, mẹ con nương thân.

Đến năm Nhâm Tuất (1922), cụ bà đã năm mươi lăm tuổi; các con cũng đã lớn khôn, ba người gái đều có gia thất, đời sống gia đình với cụ bà đến đây đã được bình yên nhiều, nhưng cụ bà vẫn không làm sao khuây khỏa được nỗi đau buồn thăm thẳm mỗi phút nghĩ đến cụ Cao Vân! Và từ ngày cụ Cao Vân bị đưa ra trảm quyết ở làng An Hòa, thi thể cụ cùng ba đồng chí vui lấp bên cồn hoang đến nay thời gian đã bảy năm, trải bao gió đùa mưa tạt, nếu không được vun đắp thì cũng không khỏi nắm lặc mồ xiêu! Cụ bà rất lấy làm lo ngại, mới xếp đặt cho người trai cả đưa đơn đến phủ Thừa (tỉnh Thừa Thiên), xin phép đem hài cốt cụ Cao Vân về Quảng Nam để gần gũi quê nhà, những ngày thanh minh tiết lễ đi lại viếng thăm cho tiện.

Cậu Cả Trần Nguyên đệ đơn đến phủ Thừa, phủ quan từ khước, lấy lẽ không đủ thẩm quyền phê chuẩn cho việc cải táng ấy, và bảo sang Đô sát viện; Đô sát viện lại bảo sang tòa khâm, kết cuộc không nơi nào cho cả, cậu cả Trần Nguyên đành phải nuốt nước mắt trở về Quảng!

Xin phép cải táng không được, cụ bà cùng các môn đồ thân tín của cụ Cao Vân mới nghĩ đến cách lấy cốt trộm, thì cuối năm ấy các môn đồ ở Huế tổ chức lấy trộm hài cốt hai cụ Trần Cao Vân, Thái Phiên ¹ cho vào hai cai quách sành, đem về chôn chung một nắm mồ trong một cụm rừng bên chùa Thụ Đức, cũng thuộc tỉnh Thừa Thiên.

Sở dĩ phải chôn chung như thế, vì sau thời gian bảy năm, các thẻ tre cắm bên nắm mồ đã xiêu lặc từ bao giờ, không còn tìm biết được nắm mồ nào là cụ Cao Vân, nắm mồ nào là cụ Thái Phiên, nên đành phải chôn chung!

Việc thiên táng di cốt cụ Cao Vân xong rồi, các con trẻ cũng đã trưởng thành rồi, cụ bà mới thấy giảm bớt được nỗi ân hận trước nghĩa vụ của người vợ đối với chồng, người mẹ đối với con! Từ đây, cụ bà hướng về cửa Phật, nhờ chuỗi bồ đề lần đếm ngày mai vô lượng vô số để lãng quên bao nỗi đắng cay ảm lạnh của tình đời, nhờ nước tịnh, cảnh dương tươi tắn bao nỗi phiền não bất bình của trần gian để an ủi cuộc đời tàn cho đến ngày chung cuộc...

Kết luận đời hành động của cụ bà Cao Vân, của người đàn bà Việt Nam đầy gian lao đau khổ, từ năm hai mươi lăm tuổi mang tráp theo chồng ra đi, cho đến năm bốn mươi chín tuổi, rông rã hai mươi lăm năm trời trên đường đời gió bụi, đương đầu với bao tấn kịch thảm khốc, thể lương, phụng sự chồng trong vòng ly tiết, dạy dỗ con trong cảnh lao tù, cho đến sau ngày cụ Cao Vân nhắm mắt rồi cũng còn vào nhà lao Bình Định một năm nữa, bao nỗi

thống khổ ấy tưởng không lời để kể, không văn để tả! Thế mà cụ bà Cao Vân vẫn một lòng đánh thép thủy chung theo phò tá bên cạnh chồng, giúp chồng làm nên người chí sĩ! Mặc dù cụ bà không tuốt gươm lên ngựa đánh đuổi quân nhà Hán như hai bà Trưng, mặc dù cụ bà không thốt ra: "Tổ quốc trầm luân, nhân hữu trách, thiên nhai phiêu bạc ngã vô gia" ² như nàng Thu Cận ³, nhưng với can trường ấy, tiết hạnh ấy, sự hy sinh ấy, tưởng cũng xứng đáng người đàn bà Việt Nam gương mẫu!

¹ Lúc bấy giờ hài cốt hai ông Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu, thân nhân hai ông đã dời chôn nơi khác từ lâu.

² Cụ Sào Nam dịch:
"Nước tổ bập bênh người thầy nợ,
Chân trời trôi nổi thiếp đầu nhà".

³ Thu Cận, một nữ chiến sĩ Trung Hoa thời Dân quốc cách mệnh, trích ở tập "Nhân sinh triết học" của cụ Sào Nam.

XIV

THI VĂN

Trải qua thời gian bốn ba từ tỉnh này sang tỉnh khác để mưu đồ phục quốc, trong những phút xúc cảm, chí sĩ Trần Cao Vân đã ngâm nên thi, vịnh thành phú, kể ra có rất nhiều! Nhưng đây soạn giả xin trích một ít thi phẩm của cụ mà soạn giả hân hạnh sưu tầm được, xin chép vào đây cống hiến bạn đọc ngâm lên, ca hát lên để tán thưởng tinh thần người chí sĩ và cũng để khuây khỏa bao nỗi thắc mắc trong lòng sau khi đọc qua một thiên lịch sử bi cảm!

Vào khoảng năm Bính Thìn, một hôm nọ, tại nhà một đồng chí, nhân chờ đợi đến giờ khai hội. Các cụ bày ra đánh cờ, cụ Cao Vân thắng luôn mấy bàn một dọc, nhân đấy cụ vịnh bài thi đầu đề "Bàn cờ thắng" để họa nguyên văn bài thi đầu đề "Bàn cờ thua", của một thân sĩ đã vịnh từ trước.

Bài thứ nhất

Vịnh bàn cờ thắng

"Đừng quen pháo mạnh vọt ngang cung,

Mệnh tướng truyền ra sĩ vẫy vùng.

Voi ngựa thân chinh toan mở nước,

Binh triều ngựa giá giục sang sông.

Xe liên vạn sát kinh tài cả,

Mã nhứt song trì mặc sức tung.

Sau trước trong tay rành rỏ nước,

Cờ cao Hán Tổ dễ đua cùng".

Đọc qua tám câu thi, ta cảm thấy về văn chương thật là hùng hồn, về ý chí thật là khẳng khái. Đọc đến câu "Xe liên vạn sát, mã nhứt song trì", với cách hành văn đã khéo, với lời lẽ lại đánh thép, làm cho ta tưởng nhớ đến những lời hịch xuất sư của các vị quân sư ngày xưa đương hô hào hưng binh phục quốc.

Bài thi này cụ Cao Vân vịnh trong lúc cụ đương cùng Hoàng đế Duy Tân mưu đồ công cuộc cách mệnh năm 1916.

Bài thứ hai

Vịnh Hòn chồng Đực, Hòn chồng Cái hay là Hòn ông, Hòn bà

Tại tỉnh Phú Yên (Trung Việt), có hai quả núi cao vút đứng sừng sững tương đối nhau, tục thường gọi tên "hòn chồng Đực, hòn chồng Cái", hay là "hòn Ông, hòn Bà". Cụ Cao Vân lấy tên núi ấy làm đầu đề vịnh tám câu thi.

"Đất nén trời nung khéo định đôi,
Hòn chồng Đực, Cái, sánh hai ngôi.
Ông xây nên đồng cây trời mọc,
Bà đúc y khuôn đá mọc chồi,
Mây núi phủ giăng màn tịnh tức,
Nước khe hầu rót chén giao bôi.
Non thề giai lão trơ trơ đấy,
Gió chẳng lung lay sóng chẳng nhồi".

Bài thi này đáng gọi là kiệt tác, từ văn chương đến ý tưởng diễn đạt một cách rất khéo léo; đọc đến câu: "Ông xây nên đồng cây trời mọc, bà đúc y khuôn đá mọc chồi", đã ngụ tả được cái đạo hóa dục của trời đất; đến câu: "Mây núi phủ giăng màn tịnh tức, nước khe hầu rót chén giao bôi", thật là vừa thanh tao, vừa tình tứ! khéo vẽ được cái cảnh êm đềm của đôi tình chung non nước, lại đến câu thúc kết: "Non thề giai lão trơ trơ đấy, gió chẳng lung lay sóng chẳng nhồi". Người chí sĩ lại cả quyết và cũng tự phụ đôi vợ chồng non nước Việt ấy sẽ trường tồn mãi mãi, sẽ đứng vững trước bao trận phong ba!

Bài thứ ba

Vịnh con tôm

"Loài ở lộn bùn cũng mọc râu,
Nguo ngoe nỏ biết mồi gì đâu?
Cong lưng cứ ý tài đâm bắn,
Lố mắt khôn dò lạch cạn sâu.
Ngoài ủ 1 lôm xôm càng múa gọng,
Trong oi 2 sùi sụt đít co đầu.
Dỡn rỗng ta bảo đừng quen thói,
Một nhui 3 là xong lựa tát, câu".

Bài thứ tư

Vịnh vợ chồng lái đò

"Mặc ai chài lưới chẳng thêm lo,

Chưa gặp thời âu tạt chống đò.
Sông rộng lão toan cầm lái vững,
Lạch sâu mụ hầy cấm sào dò.
Dân trời đưa rước ngày thông thả,
Lộc nước ăn nhờ bữa ấm no.
Buồm thuận gió hồng khi đỗ bến,
Vợ chồng một giấc ngáy kho kho".

Bài thi này về ý tứ rất dồi dào. Người chí sĩ Trần Cao Vân khéo mượn cảnh của đôi vợ chồng người lái đò để diễn đạt ý chí mình. Mở đầu bài thi, người chí sĩ đã tỏ ra không tham luyến danh lợi như một số người đang đuổi theo võng, lọng, áo, mào. Khoảng giữa bài, người chí sĩ lại khéo trình bày cảnh trạng của đôi vợ chồng người dân Việt đương thực hành nghĩa vụ của mình, đương lèo lái con thuyền dân tộc trên khúc sông rộng sâu, sóng gió mịt mờ! Đến cuối bài, người chí sĩ lại nêu lên một mối hy vọng chan chứa với một tinh thần cao khiết, mong đến ngày đưa dân tộc lên bờ tự do rồi thì vợ chồng anh lái đò sẽ đánh một giấc ngủ say sưa, không mong dự hưởng cái công cuộc thành công ấy.

Bài thứ năm

Vịnh Hòn Vay, Hòn Trã

Tại tỉnh Phú yên (Trung Việt) có quả núi, tục truyền gọi tên: "hòn Vay, hòn Trã"; cụ Cao Vân cũng lấy lên núi ấy làm đầu đề vịnh bài thi:

"Ai nhủ hời đòi khéo lá lay,
Ờ qua hòn Trã bởi vì Vay.
Tờ mây bóng rập bà so chỉ,
Nợ nước ơn đền ổng phải tay.
Ngày tháng rảnh chân muôn cụm bước,
Cỏ cây dăng lộc bốn mùa thay.
Khách giang hồ những tha hồ mượn,
Lên Hải Vân rồi đó sẽ hay".

LOẠI THI TRÀO PHÚNG

Bài thứ sáu

Vịnh Ông Trờì N. C. (Động cốn)

Cũng ở Phú Yên, vào khoảng cuối tháng ba ta, tiết trời nắng hạn không mấy khi mưa, nông dân đua nhau gặt hái lúa thóc khuân mang về phơi phóng bữa bãi. Một hôm nọ, bất ngờ trời mưa ầm xuống. Các bác nông dân tức quá, la ó lên: "Ông trời núng cặc!"... Lúc bấy giờ cụ Cao Vân đương giảng sách cho học trò, nghe câu nói quê tục, nhưng nghĩ ra có triết lý rất lý thú, cụ liền lấy làm đầu đề vịnh tám câu thi:

"Từ xưa Thái cực đúc nên hòn,

Mới biết ông trời cặc thẳng bon.
Gù mống vồng nằm ngang góc bể,
Ngù mây sừng đứng trất đầu non.
Nhờn nhờ dì gió trôi qua lại,
Thấp thoáng mường trăng ghẹo méo tròn.
Hang nguyệt ước rờ cha chả sượng...
Đề vua rồi lại chán tôi con".

Bài thi này về văn liệu đã ly kỳ, về ý tứ lại xuất sắc, cụ khéo điều khiển những câu: "gù mống vồng nằm", "ngù mây", "sừng đứng", "ngang góc bể", "trất đầu non"... thật vừa lẳng lơ vừa ngạo nghễ, tưởng không kém các bài thi cổ được truyền tụng, như thi Hồ Xuân Hương.

Bài thứ bảy

Gửi cho cụ bà Cao Vân

Cụ Cao Vân ở Côn Đảo được mấy năm, biết cụ bà ở nhà không khỏi buồn phiền. Vì cụ Cao Vân đi đày lần này với cái án chung thân khổ sai, thì có mong gì mà trở về được! Thế nên cụ Cao Vân viết tám câu thi vừa là trào phúng mà cũng vừa là hứa hẹn để cụ bà đọc cho đỡ buồn.

"Xe trở bánh gần hết khúc eo,
Trông chồng chi lấm mặt buồn teo.
Thân chàng chắc vững không nao núng,
Dạ thiếp đừng lo chút mèo meo.
Trướng liễu xū màn khuyên hãy giắc,
Vườn đào sẵn giống để rồi gieo.
Thung dung mặc sức cùng nhau sẽ...
Chót núi thôi đừng ngó mỗi nheo".

Đại khái thi văn của cụ Cao Vân như thế cả, lời lẽ hùng hồn, ý tứ ngạo nghễ, bất cứ trong trường hợp nào, cảnh nào, bài thi nào, hễ cụ đã ngâm lên thì đều có xen vào những triết lý, như thế ta đủ thấy được cụ Cao Vân chẳng những là nhà cách mệnh, nhà thi văn, mà cũng là một người giàu tư tưởng, thích triết học.

Thi văn của cụ còn nhiều lắm, nào thi chữ Tàu, thi chữ Việt, ca trù, trường thiên, phú, v.v... Đại khái như những bài: "Phú nhủ một trăm vận", "Giang hồ vịnh chí", "Vịnh Ngũ Hành sơn", "Vịnh Côn Lôn", "Tự thuật", v.v... xin hẹn bạn đọc lúc nào sưu tầm được nhiều hơn nữa sẽ có tập "Thi văn của chí sĩ Trần Cao Vân" để thân tặng các bạn.

1 Ủ: nhiều cành cây lá xanh bó lại thả dưới sông để nhử tôm, cá vào ở.

2 Oi: cái giỏ đựng cá.

3 Nhũi: cái nhũi cá, tôm.